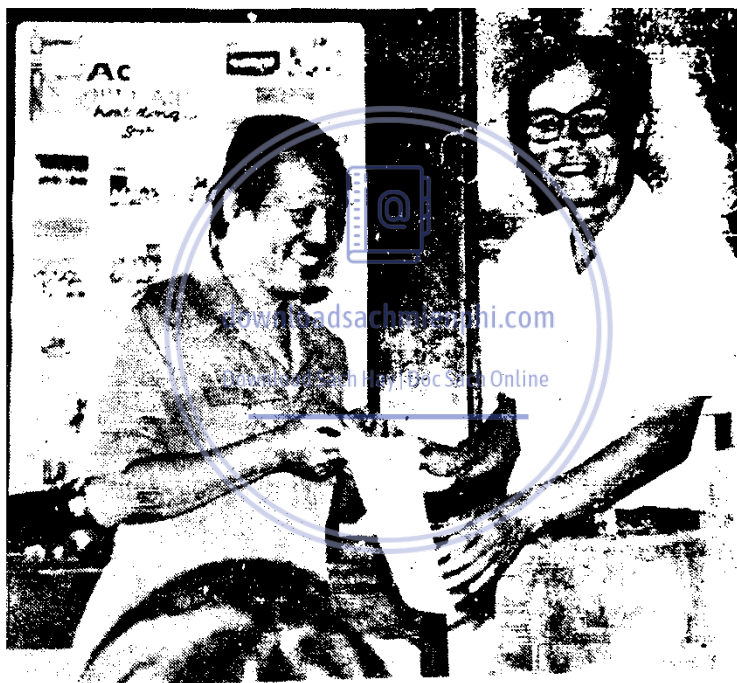


**CAU LẠC BỘ KHOA HỌC CHÂM CỨU
TỈNH SÔNG BÉ**

**YẾU QUYẾT THỰC HÀNH NHĨ CHÂM
TẬP I**

*Soạn giả : HUỲNH VĂN TÂM
Hiệu đính : VƯƠNG SANH*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TỈNH SÔNG BÉ



Bác sĩ Vũ Tánh (Người đứng bên phải) Giám đốc Sở Y Tế tỉnh Sông Bé trao bằng khen cho chăm cứu sư Huỳnh Văn Tâm, về đề tài khoa học « Nhĩ huyết tân liệu pháp » năm 1987.

(Ảnh: Hoàng Đình Thường)

VÀI HÀNG GIỚI THIỆU

« Nhĩ châm » đã được các lương y Châm Cứu Việt Nam áp dụng từ nhiều năm về trước.

Những năm gần đây, một số nhà khoa học thế giới và trong nước đã quan tâm theo dõi nghiên cứu, có đề cập trên tạp chí Y khoa về bộ môn này.

Chúng tôi rất lấy làm vui mừng được Cầu lạc bộ Khoa học Châm cứu tỉnh Sông Bé giới thiệu đề tài « Yếu quyết thực hành Nhĩ Châm » và « Nhĩ Huyệt Tân Liệu Pháp » của soạn giả HUYNH VĂN TÂM và VUONG SANH.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Một phần lớn trong các đề tài nêu trên đã được trình bày trong hội nghị khoa học kỹ thuật hàng năm của Tỉnh hội Y Dược học Sông Bé.

Nội dung của tài liệu viết tương đối dễ hiểu, có hình vẽ minh họa, đồng thời cũng đề cập đến phương pháp điều trị giản đơn. Nhưng cái khó là việc áp dụng trong thực tế để đi tới đánh giá được tác dụng của phương pháp đã nêu, để có thể đi vào thực tế cuộc sống của mọi người dân là một vấn đề đòi hỏi qua thời gian.

Ngoài ra, cũng chính 2 tác giả HUYNH VĂN TÂM và VUONG SANH đã thực hiện bộ tranh châm cứu trị

bấy bệnh chứng thông thường, được Tổng hội Y Dược học Việt Nam đánh giá cao và cho phổ biến rộng rãi ở các tuyến y tế cơ sở.

Điều có ý nghĩa là đề tài này được xuất bản vào dịp kỷ niệm 5 năm ngày thành lập Câu lạc bộ Khoa học Chăm cứu Sông Bé.

*Xin trân trọng giới thiệu với đồng đảo bạn đọc đề tài **•Yếu quyết thực hành Nhi chăm•** của lương y HUỖNH VĂN TÁM, VƯƠNG SANH và cảm ơn Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Sông Bé đã giúp đỡ cho tài liệu được hoàn thành.*



Bác sĩ PHẠM NGỌC THÁI
Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tỉnh
Phó Chủ tịch
Tỉnh hội Y Dược Học — Sông Bé

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thay lời tựa

Sinh hoạt y học châm cứu trên thế giới ngày càng nhộn nhịp. Nhiều loại hình châm cứu tập nập được khởi xướng đề tìm phương án chữa bệnh (không dùng thuốc) tối hảo cho nhân loại. Tại nước nhà, trong thập kỷ 1980—1990 này, hoạt động châm cứu cũng nhiều khởi sắc hấp dẫn, với ba cái nôi Hà Nội — Thành phố Hồ Chí Minh — Sông Bé, là ba trung tâm châm cứu có nhiều đóng góp nhất. Điều này là hiển nhiên không ai có thể phủ nhận.

Riêng tại Sông Bé, khoa châm cứu được nâng lên hàng học thuật trân trọng. Tổ chức « Câu lạc bộ Khoa học Châm cứu Sông Bé— Club Scientifique des Acupuncteurs Sông Bé » là điển hình hùng hồn cho sự quan tâm và trân trọng ấy (được thành lập theo QĐ.12 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sông Bé ngày 10-8-1984) và chính CLB Khoa học Châm cứu Sông Bé là tiền thân và cũng là đội xung kích của Hội Châm cứu Sông Bé hôm nay. Nơi đây tập hợp một số chuyên gia châm cứu tên tuổi, làng châm cứu cả nước đều biết: HUỖNH VĂN TÂM—VƯƠNG SANH... bên cạnh hơn 100 thầy châm cứu nhiều kinh nghiệm lâm sàng khác.

Hôm nay, Y sư HUỖNH VĂN TẢM — Phó Chủ tịch Hội Châm cứu Sóng Bẻ, Phó ban điều hành CLB Khoa học Châm cứu Sóng Bẻ, lại biên soạn hai chuyên đề châm cứu :

1. Yếu quyết thực hành nhĩ châm (tập 1),
2. Nhĩ huyết tán liệu pháp (tập 2).

Với sự tham gia hiệu đính (revisiongénérale) của châm cứu sư VƯỜNG SANH (tốt nghiệp học trình châm cứu 7 năm của học viện Trung Y hiện đại Hương Cảng), tôi thấy thật phấn khởi và nhiều yên tâm :

— Phấn khởi vì hoạt động châm cứu Sóng Bẻ lúc nào cũng phong phú, lúc nào cũng tỏ ra nhiệt tình phục vụ sức khỏe nhân dân. Ngoài lớp san Châm cứu Sóng Bẻ (mỗi quý một lần) là chuyên san duy nhất trong cả nước viết về các kinh nghiệm châm cứu hiện nay, thì tác giả HUỖNH VĂN TẢM vẫn không mệt mỏi cống hiến các sáng kiến của mình.

— Yên tâm vì giữa « cảnh trăm hoa đua nở » của các loại hình châm cứu đan chen nhau, có chất lượng điều trị và cũng có loại bát nháo giả hình không kết quả gì, thì y. sư HUỖNH VĂN TẢM là người uy tín, nhiều kinh nghiệm châm cứu. Chỉ chịu phổ biến công khai những gì đã có hiệu quả điều trị tốt, đảm trách hai chuyên đề vừa nêu trên, tất nhiên người hâm mộ sách y học sẽ hài lòng và tin tưởng.

Nội dung của cuốn sách này hướng dẫn cách châm cứu kích thích trên loa tai, giúp bạn đọc yêu mến khoa

châm cứu có thể tham khảo và ứng dụng chính xác, để thấy rõ hơn rằng : nhĩ châm đúng là một loại hình châm cứu công hiệu. Tác giả HUỖNH VĂN TÂM còn phát kiến một phương pháp kích thích loa tai để chữa bệnh thất độc đảo, chuyên đề này của anh đã được Hội nghị Khoa học — Kỹ thuật lần thứ 11 của ngành y tế tỉnh Sông Bé (1987) đánh giá sáng kiến tốt.

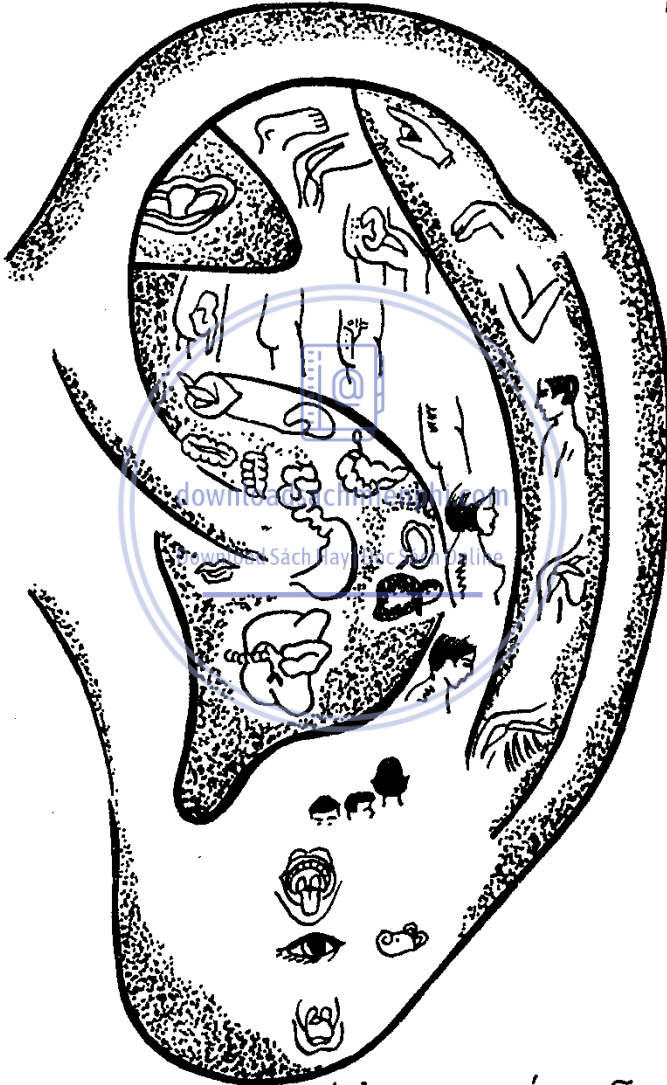
Các công trình y học châm cứu của tác giả HUỖNH VĂN TÂM thật là quý và hiếm. Vậy xin giới thiệu với bạn đọc.

SÔNG BÉ ngày 29-05-1989
Cử nhân LÊ HÙNG
(Ban biên tập Châm Cứu Sông Bé)

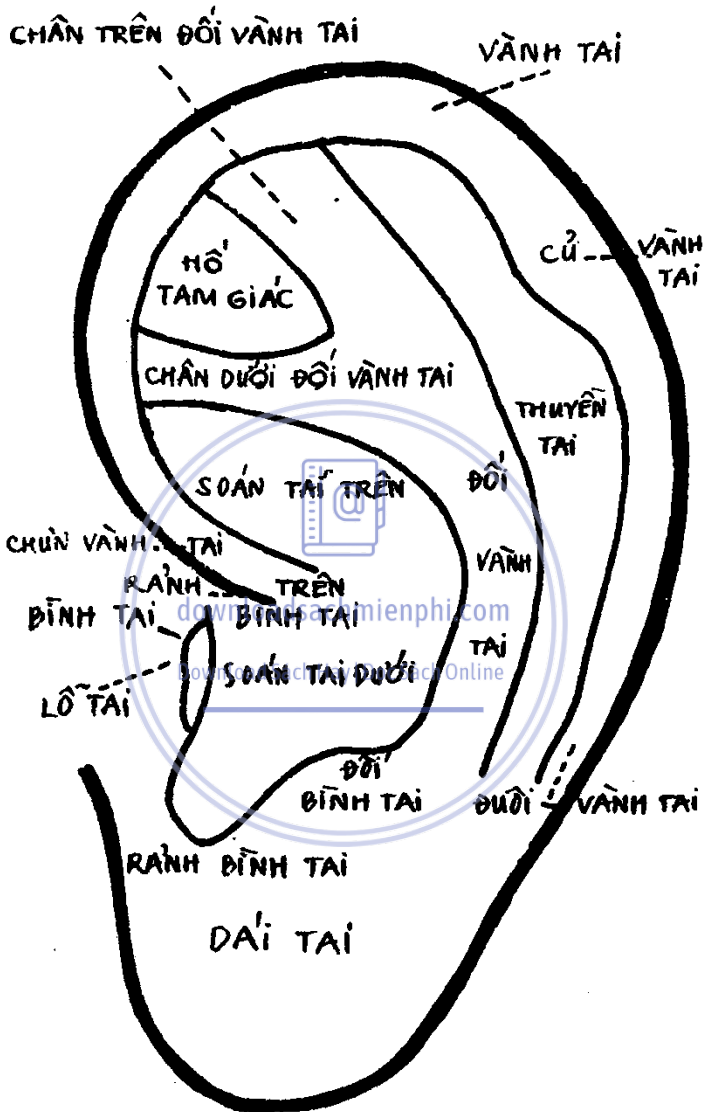
downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TẢ HÌNH CỦA NHỮNG HUYỆT



HÌNH DẠNG TRÊN LOA TÀI LÃ VỊ TRÍ CỦA HUYỆT, TỨC NHỮNG ĐIỂM PHẢN CHIẾU (TƯỜNG ỨNG VỚI CÁC BỘ PHẦN TRONG CƠ THỂ) .



12 CÁC VÙNG GIẢI PHẪU MẶT LOA TAI

YẾU QUYẾT THỰC HÀNH NHĨ CHÂM

I – PHƯƠNG PHÁP TÌM HUYỆT VÀ CHÂM THUẬT CỦA NHĨ CHÂM

Trên loa tai có những điểm (huyết) và vùng phản ứng của bệnh lý, chúng ta châm kim ngay những nơi trên (nếu viêm tính thì cần phải lể cho ra máu) sẽ đạt được kết quả trên lâm sàng chữa bệnh, phương pháp này gọi là « Nhĩ châm trị liệu ».

Thực hành « Nhĩ châm trị liệu » cần nắm vững 2 yếu quyết:

- a) Châm huyết phải cho chính xác.
- b) Tìm huyết phải có phương pháp.

Dĩ nhiên công phu cơ bản trước nhất là chúng ta cần phải rành thuộc những vùng giải phẫu trên loa tai tương ứng với cơ thể và nhớ rõ vị trí các huyết, khám sát được những điểm mẫn cảm và các hình dạng lạ thường chính là phản ứng của bệnh lý, những yếu tố trên chẳng những có phần quan trọng đến kết quả chữa bệnh lại còn giúp cho ta khám bệnh một cách dễ dàng.

1. Phương pháp tìm huyết:

Muốn tìm những huyết cơ bản trong loa tai, trước hết ta căn cứ vào huyết tìm ở ngay lòng xoắn tai dưới, kế bên xung quanh huyết tìm là những huyết hệ thống hô hấp và phổi.

Từ huyết tìm lấy thẳng lên bờ xoắn tai trên sát với chân dưới đối vành tai là huyết thận; bên phải của huyết thận là huyết tụy mật, bên trái là huyết ống dẫn tiêu và bông đại.

Từ chân vành tai đi xuống nơi bằng phẳng là huyết bao tử, từ đó gạch 2 đường chia ra thành hình 3 góc, sát với đối vành tai là huyết gan, cũng là vùng phản ứng bệnh lý của bệnh gan, nhưng ở bên loa tai trái là huyết lá lách (huyết tụy mật cũng như vậy, bên tai trái là huyết tụy gan, bên tai phải là huyết đờm nang (túi mật) vùng quanh chân vành tai là các huyết tương ứng với bộ tiêu hóa. Từ chân vành tai (tức ngay huyết bao tử) gạch một đường thẳng ngang qua đối vành tai và thuyên tai, dựa vào lần ngang này chúng ta phân ra làm 3 đoạn để lấy huyết, ở phần đối vành tai, thứ tự từ trên xuống dưới là:

- a) Đoạn của cột sống lưng.
- b) Đoạn của cột sống ngực (nửa trên nửa dưới ngang lần chỉ).
- c) Đoạn của cột sống cổ.

Trên thuyên tai ngay giữa lần chỉ là diềm bả vai, ngược lên phần trên là từ khuỷu tay (chỗ tay) đến ngón tay, ngược lại phần dưới là từ khớp vai cho đến xương đòn.

Ở trên ranh thuyên tai, sát với bờ phía đối vành tai, từ huyết cổ tay đến ngón tay có « vùng dị ứng » lẽ ngay vùng ranh nơi này cho ra máu để chữa những bệnh mãn, ngứa hoặc bị dị ứng về trùng thực rất là hiệu quả.

Còn phần dái tai ngay giữa là điểm mắt chung quanh 4 bên là những huyết tương ứng với mặt, mõm để phân vùng rõ rệt hơn, những điểm ở nơi này, thì chia dái tai làm 9 ô rất là dễ nhớ (vùng phản ứng bệnh lý của bệnh ung thư ở phía bề ngoài dái tai chỉ dùng cho chẩn đoán bệnh lý chứ không nên châm và lẽ ngay vùng này).

2. Châm thuật :

— Trên loa tai, có những điểm phản ứng bệnh lý riêng biệt như thế, nhưng khi châm ta phải kết hợp những điểm đó với nhau, tức đau nơi nào trong bộ phận đó thì ta châm lòn cả vùng tương ứng ở trên loa tai. Phương pháp châm lòn có hiệu quả hơn lại giảm bớt phần đau đớn cho bệnh nhân, châm lòn tức là châm xuyên những huyết gần nhau cùng một hệ thống, cây kim luồn dưới da thì xuyên huyết được dễ dàng, còn nếu châm những điểm riêng rẽ thì phải châm vào cho đúng kim nhưng không được châm lủng sun (châm xuyên huyết ở những nơi hệ tam giác, xoắn tai trên, xoắn tai dưới hoặc ở phần thuyên tai thì cần phải lấy một ngón tay đỡ phía sau loa tai lên cho bằng phẳng thì mới dễ châm).

Nếu ta thăm sát được điểm mãn cảm đau thì chỉ cần châm ngay nơi huyết cùng một lúc ba cây kim bằng cách châm bao vây thì sẽ giải tỏa được cơn đau trên

ơ thể của bệnh nhân lập tức (cũng nên lưu ý: có một vài trường hợp khi châm kim vào, nơi bệnh lại đau quặn hơn, đó là phản ứng nhất thời rồi cơn đau sẽ êm dịu ngay).

Khi chữa bệnh : đau bên nào thì châm tại bên đó, mỗi bên tại châm nhiều nhất là 3 ngày hoặc luân phiên mỗi ngày châm huyết bên tai khác không nên châm rùng dẫu kim cũ mà phải châm lệch một tí rồi xuyên kim ngay huyết, khi châm tai phát nóng là hiện tượng phản ứng tốt, phải nói cho bệnh nhân rõ để được yên tâm và phần khởi (cũng có trường hợp bệnh nhân cảm thấy té cả loa tai nhưng không đáng ngại).

Nhĩ châm trị liệu các bệnh thông thường mỗi lần lưu kim có thể từ 20 — 30 phút, mỗi 5 — 10 phút se kim một lần, bệnh mãn tính có thể lưu kim từ 1 — 2 tiếng đồng hồ, nếu bệnh suyễn thì cần phải đặt kim nhĩ hoàn vào huyết, dùng băng keo dán lại để từ 3 — 7 ngày hoặc dài hạn hơn, những chứng bệnh đau nhức cũng có thể lưu kim như vậy.

Mỗi một liệu trình trị bệnh thường là từ 10 — 12 ngày.

Phần nhĩ châm trị liệu mỗi một chứng bệnh có từ 5 đến 7 huyết thường dùng, nhưng chúng ta mỗi lần chỉ chọn 3 đến 4 huyết là vừa, để giải tỏa cái đau, còn những huyết khác thì luân phiên kết hợp sử dụng trong liệu trình, không thể châm cùng một lúc, vì mỗi lần châm kim nhiều quá sẽ gây cho loa tai người bệnh ẽ ẩm và nhức nhối.

II — CHẨN BỆNH TRÊN LOA TAI

CÁC SẮC DẠNG VÀ ĐIỀM MẮN CẢM PHẢN ỨNG BỆNH LÝ Ở NHỮNG VÙNG TƯƠNG ỨNG VÀ ĐIỀM (HUYẾT) CỦA « NHỊ CHÂM »

CHỨNG BỆNH

1. Các chứng bệnh đau nhức và viêm cấp tính :

. Các sắc dạng và điềm mẩn cảm phản ứng bệnh lý ở những vùng tương ứng và điềm (huyết).

. Các vùng có bệnh lý thường biểu hiện phản ứng dương tính : điềm mẩn cảm (nổi đau) hoặc nổi mọt đỏ hay vành đỏ, nổi dề v.v..

2. Các chứng bệnh mạn tính ở nội tạng :

. Các vùng tương ứng và huyết xuất hiện phản ứng âm tính : có hình dáng hõm nhỏ, nổi mọt hoặc nổi dề màu trắng, loa tai có dáng bóng.

3. Viêm ruột thừa :

. Ba điềm phản ứng bệnh lý viêm ruột thừa trên phần thuyền tai có mẩn cảm đau rất rõ rệt.

4. Viêm ruột thừa cấp tính :

. Các điềm phản ứng của viêm ruột thừa và huyết ruột thừa có những mụn đỏ xuất hiện.

5. Viêm phổi :

. Vùng phổi, vùng cơ hoành có điềm mẩn cảm (có thể bệnh nhân ở vùng tim, đối bình tai, thuyền tai và vùng dái tai cũng có điềm mẩn cảm xuất hiện).

6. Hạch lao phổi :

. Vùng phổi có điểm mẩn cảm.

7. Loét dạ dày hoặc thành tá tràng :

. Ở nơi vùng dạ dày hoặc ngay huyết tá tràng có nổi mụn màu trắng.

8. Viêm dạ dày cấp tính :

. Vùng dạ dày có nổi mụn đỏ hoặc dề trắng trong vành đỏ.

9. Viêm dạ dày mãn tính :

. Vùng dạ dày nổi dề màu trắng, vùng ranh vành không rõ rệt.

10. Viêm gan cấp tính :

. Vùng phản ứng bệnh lý của bệnh gan có nổi mụn hay dề ửng đỏ.

11. Viêm gan truyền nhiễm cấp tính thể bệnh hoàng đản :

. Điểm phản ứng bệnh lý viêm gan trong hố tam giác có điểm mẩn cảm đau rất rõ rệt.

12. Gan sưng to :

. Vùng phản ứng bệnh gan có nổi vẩy trắng hơi phù lên là biểu hiện bệnh sưng gan.

13. Viêm thận :

. Điểm phản ứng bệnh viêm thận ở nơi đoạn dưới của thuyền tai có điểm mẩn cảm đau rất rõ rệt.

14. Sạn thận hoặc sạn trong túi mật :

. Ở nơi huyết thận hay huyết tụy mật có điểm mẩn cảm đau rất rõ rệt.

15. Bệnh tim :

. Vùng tim có nổi dề màu trắng, vùng ranh không rõ rệt, cả thể bệnh nhân ở nơi huyết phổi, thận, trên thuyền tai cũng có điểm mẩn cảm.

16. Viêm mạch quản bị nghẽn tắc :

. Các huyết tương ứng trên loa tai hiện ra hình dạng mặt da sần sùi.

17. Viêm Amidal cấp tính :

. Ba điểm phản ứng viêm Amidal ở nơi nửa phần dưới của vành tai có điểm phản ứng đau rất rõ rệt hoặc nổi mụn mủ đỏ.

18. Viêm kết mạc :

. Ở huyết tân nhãn (điểm mắt) trong vùng tim thẳng lên một tí có nổi mụn đỏ.

19. Bệnh trĩ :

. Điểm phản ứng bệnh trĩ gần sát phía trong trên đỉnh tai (nhĩ tiếm) có nổi mụn đỏ hoặc tím.

20. Bệnh da liễu :

. Trên loa tai nhiều nơi hiện ra tróc vảy.

21. Huyết áp cao :

. Huyết phản ứng bệnh lý huyết áp cao ở dưới huyết tuyến thượng thận có mẩn cảm đau và ranh hạ áp ở

phía sau loa tai những mạch máu nhỏ hiện ra đỏ đậm (cá thể bệnh nhân ở nơi huyết thân não, điểm não vùng trán, vùng dưới vỏ não đều có nốt mụn vành đỏ, vùng chung quanh bóng sáng hay ở vùng tim có đốm tròn nhẵn nheo.

22. Ung thư thực đạo :

. Ngay nơi huyết thực đạo có điểm mẩn cảm đau.

23. Các bệnh ung thư :

. Vùng phản ứng có bệnh ung thư có nốt mụn hạch, mụn mụn hay dề màu sắc tối xám.

Ở nơi vùng tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, các huyết kích thích tố, huyết buồng trứng cũng có điểm mẩn cảm hoặc xuất hiện hình dạng lạ thường.

III — LÝ THUYẾT CƠ BẢN CỦA NHĨ CHÂM

Căn cứ trên y văn cũng như trên thực tiễn lâm sàng chứng tỏ rằng : Tai không phải là một bộ phận cô lập riêng biệt, mà nó có liên hệ trực tiếp với kinh lạc và tạng phủ, đó là căn cứ lý luận của nhĩ châm.

1. Nhĩ châm là gì?

Một phương pháp trị bệnh bằng cách dùng kim châm vào những điểm huyết nhất định ở loa tai.

2. Đặc điểm của nhĩ châm :

Dễ học, dễ thực hành, kiến hiệu nhanh, thích hợp với nhiều chứng bệnh, không có phản tác dụng, không những trị bệnh mà còn có nhiều đặc điểm khác như phòng bệnh, chẩn đoán và dùng trong châm tế.

Loa tai có liên hệ sinh lý với các bộ phận trên cơ thể, nên khi một tạng phủ nào bị bệnh tật, thì sẽ có điểm mẩn cảm ở nơi tương ứng với tạng phủ đó trên loa tai, điểm hoặc phản ứng biến dạng hay biến sắc, nổi mụn như mụn hay có vảy tróc mái v.v...

3. Giải phẫu loa tai :

Trong tai có sụn và ít mỡ, có thật nhiều dây thần kinh, mạch máu và ống lympho.

a) Thần kinh của loa tai :

— Thần kinh ở loa tai phân bố thật nhiều, chủ yếu gồm có thần kinh tai to, thần kinh cằm nhỏ, nhánh thần kinh mé tằm, nhánh nhỏ thần kinh trán còn có những phân nhánh của thần kinh mặt và nhánh thần kinh cằm lớn.

b) Mạch máu của loa tai :

— Chủ yếu là động mạch màng tang cổ ngoài và động mạch sau tai, những động mạch nhỏ phía trước của loa tai trực tiếp đưa máu vào tĩnh mạch màng tang, còn những tĩnh mạch sau màng tang hợp thành 3 — 5 tĩnh mạch lưng, lại đến vành tai chạy về góc dưới của tai rồi chạy vào tĩnh mạch sau tai.

c) Lympho của loa tai :

Ống Lympho được phân bố chằng chịt ở loa tai như : mạng lưới dịch lympho ở loa tai trước chạy từ ống lympho tai đến hạch lympho, còn ở phía sau tai thì vào mạch lympho sau tai.

4. Quy luật phân bố huyết ở tai :

Các huyết ở loa tai được phân bố có quy luật rõ

ràng, đại thể như một bào thai của đứa trẻ nằm trong tử cung, móng đất chổng lên trên còn cái đầu thì chúi xuống dưới.

IV — NHỮNG VÙNG GIẢI PHẪU TRÊN LOA TAI TƯƠNG ỨNG VỚI CƠ THỂ

1. Hố tam giác : Tương ứng với lồng xương chậu và bộ sinh dục.
2. Xoắn tai trên : Tương ứng với lồng bụng.
3. Xoắn tai dưới : Tương ứng với lồng ngực.
4. Rãnh bình tai : Tương ứng với tuyến nội tiết.
5. Chân vành tai : Tương ứng với cơ hoành.
6. Vùng quanh chân vành tai : Tương ứng với bộ tiêu hóa.
7. Bình tai : Ranh ngoài tương ứng với tuyến thượng thận, bờ mặt trong tương ứng với mũi họng.
8. Đối bình tai : Tương ứng với đầu não.
9. Dái tai : Tương ứng với mặt mềm.
10. Đối vành tai : Ở bờ phía xoắn tai là vùng đại biểu cho thân thể và cột sống.
Ở bờ phía thuyền tai thì tương ứng với bụng ngực.
11. Chân dưới đối vành tai : Tương ứng với vùng móng.
12. Chân trên đối vành tai : Tương ứng với phần chân.
13. Thuyền tai : Tương ứng với tay — vai.

14. **Vành tai** : Căn cứ bộ phận trên vành tai, có nhiều huyết tác dụng rất tốt để chống viêm, giải nhiệt bằng cách chích lỗ cho ra máu ; và cũng có nhiều huyết dùng để chữa bệnh đường ruột và bộ sinh dục, nên vùng vành tai tương tự như mạch đốc và kinh bàng quang.

15. **Phía sau loa tai** : Tương ứng với sau lưng và bả vai.

V — CÔNG NĂNG CỦA CÁC HUYỆT THƯỜNG DÙNG

1. **Tim** : Có tác dụng minh tâm, an thần, dùng để trị bệnh của hệ tim và mạch, thần kinh suy nhược, bệnh tâm thần tăng huyết áp, viêm lưỡi, viêm cuống họng, nghẽn mạch máu.

2. **Gan** : Trị bệnh viêm gan cấp tính hay mạn tính, viêm túi mật, viêm mắt cấp hay mạn tính, thiếu máu và các bệnh của bộ tiêu hóa, đau nhức thần kinh, phong thấp, đau đầu, chóng mặt, bệnh bại xui, tay chân co rút, bệnh phụ khoa đều có kết quả nhất định.

3. **Tỳ (lá lách)** : Có tác dụng kiện tỳ, bổ khí, chủ trị bệnh của bộ tiêu hóa, bệnh xuất huyết, các bệnh về máu, thiếu máu, cơ vô lực, cũng có hiệu quả trị bệnh lòi dom, sa thông nội tạng, tiểu chảy mạn tính.

4. **Phổi** : Chủ trị bệnh của bộ hô hấp, cảm mạo, mồ hôi trộm, bệnh ngoài da, viêm mũi, nói tắt tiếng, có tác dụng chống đau khi rạch da trong khoa châm té.

5. **Thận** : Có tác dụng bổ thận, cố tinh, ích khí sáng mắt, lỗ tai, chủ trị bệnh của hệ tiết niệu, cũng dùng để trị rụng tóc, sỏi đầu, liệt dương.

6. **Tiêu trường** : Trị bệnh tiêu chảy, kém tiêu hóa, công năng hấp thụ của vị tràng yếu kém ; có quan hệ với tim nên cũng dùng để trị bệnh tim.

7. **Tụy mật** : Trị viêm túi mật, giun chui ống mật hoặc có sạn, viêm gan, vàng da cũng có kết quả tốt đối với những người điếc tai, ù tai, đau nửa đầu, đau lồng ngực.

8. **Dạ dày** : Trị bệnh tiêu hóa, bệnh thần kinh, động kinh, bệnh tâm thần, mất ngủ và đau răng.

9. **Đại trường** : Trị viêm ruột, tiêu chảy, táo bón, quan hệ với phổi nên cũng dùng để trị bệnh hô hấp.

10. **Bọng đái** (bàng quang) : Quan hệ với thận, trị bệnh về bộ tiết niệu.

11. **Tam tiêu** : Có tác dụng làm lợi tiểu, tiêu thũng, thông khí giải uất, giải nhiệt nội tạng.

12. **Thần môn** : Có tác dụng an thần, trấn tĩnh, chống đau, chống viêm, thường dùng trong các bệnh của hệ thần kinh và bệnh tâm thần, chống đau bất kỳ do nguyên nhân nào gây nên, là huyết chủ yếu chống đau trong khoa châm tê.

13. **Giao cảm** : Chữa trị những bệnh do rối loạn thần kinh tự chủ, có tác dụng chống đau và co quắp mạnh đối với các tạng phủ còn có tác dụng nở mạch máu, thường dùng để chữa viêm mạch máu, chứng vô mạch, đau tim, nhịp tim không đều, mồ hôi trộm v.v... Là huyết chủ yếu trong phẫu thuật, châm tê ngực, bụng.

14. **Tuyến thượng thận:** Có tác dụng điều tiết huyết mạch, chống shock, chống cảm nhiễm chữa phong thấp, bệnh ngứa, dùng để chữa huyết áp thấp, chứng vô mạch, viêm mạch quanh, xuất huyết ở mao, huyết này có tác dụng cầm máu, giải độc, chữa ho, suyễn.

15. **Tuyến nội tiết:** Điều hòa rối loạn của tuyến nội tiết có tác dụng tốt để chữa bệnh ngứa, chữa phong thấp, thường dùng để chữa phụ sản khoa, đái đường, bệnh ngoài da.

16. **Vùng dưới vỏ não:** Điều hòa sự hưng phấn và ức chế của vỏ não, có tác dụng cầm đau và chống viêm, dùng để chữa các chứng bệnh não gây nên. Chống sa thông của nội tạng.

17. **Điểm châm:** Thường dùng để trị bệnh của thần kinh và màng não, chống shock và cấp cứu, dùng cho chứng bệnh chóng mặt đau đầu và say sóng.

18. **Thân não:** Thường dùng cho chứng tai biến mạch máu não và chứng kích thích màng não như trúng phong, co giật, cứng cứng. Chấn động não: chống shock trong cấp cứu và chứng não phát triển chậm ở trẻ em.

19. **Điểm não:** Có tác dụng điều tiết hưng phấn và ức chế tầng vỏ đại não là huyết có nhiều chức năng, chữa nhiều bệnh ở nhiều hệ thống như: thần kinh, tiêu hóa, nội phân tiết, tiết niệu, sinh dục đều có tác dụng. Đặc biệt trong cầm máu chữa các bệnh có tính xuất huyết.

20. Tử cung: Viêm nội mạc tử cung, kinh nguyệt không đều, rối loạn công năng của bộ sinh dục, viêm tinh hoàn ; cũng có tác dụng dực sản.

21. Thần kinh chẩm nhỏ: Có tác dụng trấn tĩnh và chống đau, trị những chứng bệnh dị ứng của chấn thương não, nhức đầu, chóng mặt, té đầu.

Nói tóm lại: Trong loa tai tất cả những huyết tương ứng với từ chỉ và các bộ phận trên cơ thể con người đều có tác dụng để chữa bệnh của bộ phận đó. Ngoài ra các huyết gọi theo tên bệnh như : Điem đau lưng là có đặc hiệu để chữa đau lưng, thị lực 1, thị lực 2, có tác dụng để tăng cường thị lực; huyết can dương 1 và 2 (ở trên củ vành tai) thích lẽ cho ra máu, thì có tác dụng để tả can hỏa và hạ huyết áp một cách nhanh chóng; lẽ ngay diem say rượu cho ra máu thì có tác dụng giải cho những người say rượu, còn châm những huyết chẩm để nhờ răng thì có tác dụng nhờ răng không đau, diem khát và diem đói là dùng để châm cho những bệnh nhân đái đường khi có triệu chứng hay khát hoặc hay đói...

VI — CÁCH THAO TÁC

1. **Dò huyết :** Dùng que làm bằng kim khí hay cán kim dò thám loa tai, khi tìm đến diem mãn cảm, bệnh nhân nhăn mặt, nhui mày cảm thấy đau và tránh né, công tác thăm dò loa tai được tiến hành rộng rãi, nhẹ nhàng và thận trọng, nhất là sức dè dặt đều đặn, nếu chưa tìm được thì dùng ngón tay nắn xoa một lúc rồi thăm dò lại ở loa tai bên kia.

2. **Cách châm :** Một tay cố định loa tay, tay kia dùng kim châm độ sâu khoảng đến xương sụn, không được

xuyên thủng ra phía sau, lúc thao tác cần mau lẹ và chính xác, cường độ kích thích tùy thể chất và bệnh tình của bệnh nhân.

3. Vựng châm : Khi vướng châm nhẹ, lấy kim ra cạn một ít, cho nằm xuống và an ủi bệnh nhân.

Khi vướng châm nặng : nên lấy kim ra ngay lập tức, cho bệnh nhân nằm theo thể đầu thấp và uống nước đường nóng thì bệnh nhân được bình phục ngay.

Nếu trong khi châm bệnh nhân cảm thấy vành tai bị đau nhiều hoặc nhức đầu choáng váng, tim đập nhanh, nồn mửa, há họng khó khăn, chân lạnh hoặc tê cả mình mẩy, đó là do châm các huyết tuyến thượng thận, giao cảm, tuyến nội tiết quá sâu gây nên, chỉ cần lấy kim ra hết một lúc sẽ khỏi.

downloadsachmienphi.com

VII — NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

1. Trước khi châm khử trùng loa tai bằng Alcool 90° để ngừa nhiễm trùng.
2. Tránh những nơi bị ngoại thương vết sẹo.
3. Không châm cho đàn bà có thai.
4. Luôn luôn chú ý đến thể chất, tinh thần bệnh nhân để ngừa vướng châm.

VIII — QUY LUẬT DÙNG HUYỆT

Áp dụng nhĩ châm trị liệu phối hợp dùng huyết đơn thuần hơn áp dụng thể châm rất nhiều, vì các huyết

đều là điểm phản chiếu của nội tạng và các bộ phận trên cơ thể, tên huyết gì thì đều có tác dụng chủ trị phần ấy chứ không phức tạp như các huyết của 14 kinh lạc. Quy luật dùng huyết như sau :

1. Căn cứ bộ vị nơi bệnh dùng huyết. Ví dụ : đau dạ dày thì châm điểm (huyết) dạ dày (vị), đau lưng thì châm điểm đốt sống lưng hoặc điểm sau lưng.

2. Dựa theo cơ chế của bệnh lý dùng huyết : như đau bụng kinh theo y học hiện đại là liên quan tới tuyến nội tiết thì châm điểm tuyến nội tiết ; suy nhược thần kinh thì châm điểm vùng dưới vỏ não.

3. Dựa theo lý luận Đông y dùng huyết : Ví dụ : bệnh ngoài da dùng huyết phổi vì « phế chủ bì mao » ; đau mắt thì châm điểm gan vì « can khai khiếu y mục (mắt) ».

4. Dựa theo huyết đặc hiệu dùng huyết. Ví dụ : bệnh chứng lên máu thì dùng điểm hạ áp (hoặc thích huyết nơi giáng áp cầu) ; hen suyễn thì dùng điểm bình suyễn.

5. Tìm điểm mẫn cảm (điểm phản ứng bệnh lý) thì châm ngay nơi đó : (nếu cần tăng cường tác dụng trị liệu, có thể một nơi châm cùng một lúc 3 cây kim bằng cách bao vây).

Nên lưu ý : Những huyết trên loa tai không nên liên tục sử dụng quá ba ngày cùng một bên tai, cần phải luân phiên thay đổi tai khác mà châm ; còn những chứng bệnh thuộc về đau nhức thần kinh hay bị chấn thương thì đau bên nào châm tai bên đó, khi cần thiết mới châm cùng lúc hai bên loa tai. Gặp trường hợp áp dụng nhĩ châm trị liệu vài ba ngày, không đạt kết quả thì

thay đổi hướng châm kim có thể đạt kết quả ngay (vẫn áp dụng phương huyết trước kia).

6. Mỗi lần chữa bệnh, chỉ cần chọn dùng một đến ba huyết chánh và một, hai huyết phụ (huyết phụ tức những phối hợp huyết khi cần). Nếu châm thuật rành thuộc, một kim có thể xuyên qua vài ba huyết thì dùng kim ít, xuyên huyết nhiều, hiệu quả cao, lại giảm phần đau đớn cho bệnh nhân. Làm được như vậy, sẽ khiến cho bệnh nhân yêu thích và vui lòng chấp nhận « Nhĩ Châm Trị Liệu ».

IX. NHĨ CHÂM TRỊ LIỆU CÁC BỆNH

CẤP CỨU — CHỐNG VIÊM — GIẢM ĐAU

CHỮNG BỆNH : _____

1. Chống choáng — ngắt xỉu :

Dùng huyết: Tim, châm, tuyến thượng thận vùng dưới vỏ não, thần môn, giao cảm, điểm não (nếu trùng nặng ngắt xỉu thì lẻ thêm 2 huyết nhĩ tiềm — tức huyết đỉnh vành tai — cho ra máu).

2. Chống viêm — giảm đau (gồm cả chấn thương và sau khi giải phẫu)

Dùng huyết: Thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não, tuyến thượng thận, châm và các huyết tương ứng với nơi đau (đau xương thì thêm huyết thận, đau da thịt thì thêm huyết phổi và lá lách, nếu bị viêm nhiễm đau nhức thì châm huyết tim, lá lách, tuyến nội tiết).

châm, tuyến thượng thận và lẽ hai huyết nhĩ tiêm cùng điếm tương ứng cho ra máu).

3. Cặp xương sống — đau thắt lưng :

Dùng huyết : Thần môn, giao cảm, thận, châm, tuyến thượng thận và điếm đau lưng (châm xuyên vào đoạn cột sống lưng).

4. Cấp cứu ngộ độc Belladone :

Dùng huyết : gan, thận, huyệt hầu, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

5. Ngộ độc thức ăn hoặc trúng thuốc :

Dùng huyết : Dạ dày, đại trường, tiểu trường vùng trán, tuyến thượng thận, gan, tam tiêu tuyến nội tiết.

6. Cấp cứu truyền dịch phản ứng :

Dùng huyết : Tim, thần môn, tuyến thượng thận.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

7. Cầm máu :

Dùng huyết : Cơ hoành, lá lách, tim, tuyến thượng thận, giao cảm và các huyết tương ứng với bị thương xuất huyết ngoài da hoặc trong nội tạng.

8. Lợi niệu — tiêu thũng :

Dùng huyết : Tam tiêu, bàng quang (bọng đái) thận, lá lách, tim, phổi, vùng dưới vỏ não.

9. Say sóng — choáng váng :

Dùng huyết : Tai trong, châm, trán, dạ dày, thần môn, vùng dưới vỏ não và huyết xây xâm.

10. Tăng huyết áp :

Dùng huyết : Tim, phổi, lá lách, gan, vùng dưới vỏ não, tuyến thượng thận.

11. Hạ huyết áp :

Dùng huyết : Thần môn, giao cảm, tim, vùng dưới vỏ não và lễ phía sau loa tai rãnh hạ áp — giáng áp cầu — cho ra máu (hoặc thích huyết hai huyết nhĩ tiêm).

12. Trấn tĩnh — an thần :

Dùng huyết : Tim, thận, thần môn, vùng dưới vỏ não, châm, phổi, vùng trán.

13. Sốt rét đang lên cơn rét :

Dùng huyết : Gan, lá lách, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não, tam tiêu.

BỆNH HỆ THỐNG HỒ HẤP

(Huyết tổng quát trị các bệnh thuộc hệ thống hô hấp : phổi, khí quản, bình suyễn, cơ hoành, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não, tuyến nội tiết, vùng ngực, châm.

CHŨNG BỆNH .

14. Cảm cúm :

Dùng huyết : Mũi trong, họng hầu, trán, phổi, thần môn, vùng dưới vỏ não (nếu có nóng sốt thì lễ hai bên nhĩ tiêm cho ra máu).

15. Ho :

Dùng huyết : Phổi, bình suyễn, khí quản, thần môn

(nếu có đàm thì châm thêm huyết cầm, hợng hầu, tuyến nội tiết).

16. Hen suyễn :

Dùng huyết : Phổi, châm, thần môn, giao cảm, bình suyễn, tuyến thượng thận, tuyến nội tiết.

17. Viêm phổi:

Dùng huyết : Vùng ngực, phổi, thần môn, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não.

18. Ran hông — tức ngực :

Dùng huyết : Tim, phổi, thần môn, giao cảm diềm ngực (nếu nặng ngực khó thở thêm huyết bình suyễn, tam tiêu).

19. Rối loạn hô hấp (khó thở hoặc thở mạnh):

Dùng huyết : phổi, châm, giao cảm.

20. Viêm khí quản :

Dùng huyết : Thần môn, giao cảm, bình suyễn, tuyến thượng thận và diềm khí quản.

BỆNH HỆ THỐNG TIÊU HÓA

(Huyết tổng quát trị các bệnh thuộc hệ thống tiêu hóa : dạ dày, lá lách, gan, tụy, mật, đại trường, tiểu trường, thần môn, giao cảm, vùng bụng).

CHỨNG BỆNH :

21. Đau bụng do thần kinh vị trí thất :

Dùng huyết : Dạ dày, gan, tá tràng, thần môn giao cảm (nếu đau dữ dội thêm huyết bụng trên)

22. Đau quặn bụng :

Dùng huyết : Tiểu trường, thần môn, giao cảm (bụng trên, đau nhiều thêm huyết bụng trên, bụng dưới đau nhiều thêm huyết bụng dưới).

23. Viêm dạ dày cấp mãn tính :

Dùng huyết : Dạ dày, lá lách, thần môn giao cảm.

24. Viêm ruột

Dùng huyết : Đại trường, tiểu trường, đoạn dưới trực tràng, thần môn, giao cảm.

25. Loét dạ dày hoặc thành tá tràng :

Dùng huyết : Dạ dày, tá tràng, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não, tụy mật, vùng bụng.

26 Viêm ruột thừa :

Dùng huyết : vùng bụng, điểm viêm ruột thừa và huyết ruột thừa, tiểu trường, tam tiêu, tuyến thượng thận, thần môn, giao cảm (chỉ áp dụng cho trường hợp viêm ruột mãn tính nếu viêm ruột thừa cấp thì cần phải chuyển đến bệnh viện ngay, áp dụng nhĩ châm để giảm đau nhất thời).

27. Kiết lỵ :

Dùng huyết : Dạ dày, lá lách, đại trường, tiểu trường, thần môn, giao cảm.

28. Sinh bụng — no hơi :

Dùng huyết : giao cảm, tam tiêu, dạ dày, đại trường, tiểu trường.

29. Viêm gan — Viêm túi mật :

Dùng huyết : Gan, tụy mật, lá lách, tuyến nội tiết, giao cảm (hoặc hai bên huyết can dương lẽ cho ra máu).

30. Sa dạ dày :

Dùng huyết : Dạ dày, lá lách, tụy mật, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não, giao cảm và huyết đồ thông (tức huyết đề thác).

31. Tiêu hóa yếu kém :

Dùng huyết : Dạ dày, tụy mật, đại trường, tiểu trường, lá lách, tuyến nội tiết.

32.Ợ chua :

Dùng huyết : gan, thần môn, giao cảm, tuyến nội tiết, vùng dưới vỏ não (ky châm huyết dạ dày).

33. Nôn mửa :

Dùng huyết : Dạ dày, gan, thần môn, giao cảm, châm, vùng dưới vỏ não.

34. Nấc cục :

Dùng huyết : Cơ hoành, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

35. Táo bón :

Dùng huyết : Đại trường, tam tiêu, đoạn dưới trực tràng, vùng dưới vỏ não (hoặc chỉ dùng huyết điềm táo bón).

36. Tiêu chảy :

Dùng huyết : Thận, lá lách, đại trường, tiểu trường, phổi, thần môn, giao cảm.

BỆNH HỆ THỐNG TUẦN HOÀN

(Huyết tổng quát trị các bệnh thuộc về hệ thống tuần hoàn : tim, phổi, tiểu trường, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não, tuyến thượng thận, gan, thận).

CHỨNG BỆNH :

37. Huyết áp cao :

Dùng huyết : Tim, gan, thận, thần môn, giao cảm, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não, điềm giáng áp (hoặc lễ hai huyết nhĩ tiêm và giáng áp cầu ở phía sau loa tai — ranh hạ áp — cho ra máu).

38. Huyết áp thấp :

Dùng huyết : tim giao cảm, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não.

39. Tim đập nhanh hoặc bất thường :

Dùng huyết : tim, tiểu trường, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

40. Tim đau nhói — nhồi máu cơ tim :

Dùng huyết : tim, tiểu trường, giao cảm, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não.

41. Nghẽn tắc mạch — và viêm mạch quản :

Dùng huyết : tim, phổi, tam tiêu, chằm, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

42. Bờ máu :

Dùng huyết : tim, gan, dạ dày, lá lách, cơ hoành, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận.

BỆNH HỆ THỐNG TIẾT NIỆU VÀ BỘ SINH DỤC

(Huyết tổng quát trị các bệnh thuộc hệ thống tiết niệu và bộ sinh dục: bàng quang (bọng đái), niệu đạo (ống dẫn tiểu), thận, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, tam tiêu, bộ sinh dục ngoài, tử cung — tinh cung, buồng trứng — tinh hoàn (hai huyết cùng một vị trí, tử cung dùng cho nữ, tinh cung dùng cho nam, buồng trứng — tinh hoàn cũng vậy).

CHỨNG BỆNH :

43. Liệt dương — Xuất tinh sớm :

Dùng huyết : Thận, tinh hoàn, bộ sinh dục ngoài, tuyến nội tiết.

44. Di mộng tinh :

Dùng huyết : thận môn, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não.

45. Viêm thận — Viêm bàng quang cấp mãn tính :

Dùng huyết : Thận, bàng quang, tuyến thượng thận, thận môn, giao cảm, tam tiêu và huyết viêm thận.

46. Sạn niệu đạo :

Dùng huyết : Thận, bàng quang, niệu đạo, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

47. Thận đau quặn :

Dùng huyết : Thận, niệu đạo, bàng quang, thận môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

48. Viêm tinh hoàn :

Dùng huyết : Tinh hoàn, bộ sinh dục ngoài, thận môn tuyến nội tiết, tuyến thượng thận.

49. Đái dầm — đái láo :

Dùng huyết: Tim, thận, bàng quang, chằm điềm não, vùng dưới vỏ não, thần môn, giao cảm (hoặc dùng điềm đi niệu, huyết này ở mé trong điềm não khoảng 2 li).

50. Bí tiểu :

Dùng huyết: Thận, tam tiêu, bàng quang, bộ sinh dục ngoài, giao cảm, vùng dưới vỏ não, niệu đạo.

51. Viêm tuyến tiền liệt :

Dùng huyết: Điềm tuyến tiền liệt, tuyến nội tiết, điềm lòng xương chậu, thận, bàng quang, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não.

52. Tiểu đục — có căn :

Dùng huyết: thận, lá lách, tam tiêu, bàng quang, vùng dưới vỏ não.

53. Đái đường :

Dùng huyết: Thận, bàng quang, tụy mật, dạ dày, lá lách, tam tiêu, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, thần môn, vùng dưới vỏ não.

54. Soán tiểu :

Dùng huyết: Bàng quang, niệu đạo, gan, lá lách, vùng dưới vỏ não.

BỆNH HỆ THỐNG THẦN KINH VÀ TÂM THẦN

Huyết lỏng quát trị các bệnh thuộc về hệ thống thần kinh và tâm thần: điềm não, thần não, trán, chằm.

ùng, dưới vỏ não, dạ dày, lá lách, tim, thận, thần môn
và điểm hưng phấn (hoặc 2 huyết nhĩ tiêm).

LIỆNG BỆNH :

55. Nhức đầu — chóng mặt

Dùng huyết : Châm, trán, thần môn, tim, vùng dưới
vỏ não.

56. Nhiều mộng mị :

Dùng huyết : Tim, thận, dạ dày, châm, thần môn,
vùng dưới vỏ não.

57. Thiên đầu thống (đau nửa bên đầu) .

Dùng huyết : Gan, thần kinh, châm nhỏ, thận, thần
môn, thái dương, vùng dưới vỏ não (hoặc lễ 2 huyết
nhĩ tiêm cho ra máu).

58. Đau cứng cổ gáy :

Dùng huyết : Điểm não, thần não, điểm cột sống
cổ, tim.

59. Đau thần kinh sinh ba :

Dùng huyết : Vùng gò má, hàm trên, hàm dưới, tai
ngoài, thần kinh châm nhỏ, thần môn, vùng dưới vỏ não.

60. Liệt thần kinh mặt :

Dùng huyết : Vùng gò má, trán, điểm cằm, vùng
dưới vỏ não, thần kinh châm nhỏ, điểm gan.

61. Suy nhược thần kinh :

Dùng huyết : Tim, thận, dạ dày, lá lách, thần môn,
châm, vùng dưới vỏ não.

62. Đau thần kinh gian sườn :

Dùng huyết : Gan, vùng ngực, chàm, thần môn, vùng dưới vỏ não.

63. Đau thần kinh tọa :

Dùng huyết : Thần kinh tọa, móng, thận, cột sống lưng, chàm, thần môn.

64. Di chứng chấn thương não và viêm màng não :

Dùng huyết : Chàm, thận, tim, dạ dày, diêm não, thần não, vùng dưới vỏ não, thần môn, thần kinh chàm nhỏ và những huyết tương ứng nơi bị liệt.

65. Bệnh tâm thần :

Dùng huyết : Tim, thận, chàm, diêm não, thần não, thần môn, vùng dưới vỏ não.

66. Phong xù :

Dùng huyết : tim, chàm, thận, dạ dày, diêm não, thần kinh chàm nhỏ, thần môn vùng dưới vỏ não.

67. Mất ngủ :

Dùng huyết : Tim, thận, chàm, thần môn.

BỆNH PHỤ SẢN KHOA

CHỨNG BỆNH :

68. Thiếu tia sữa :

Dùng huyết : Vùng ngực, nhũ tuyến, dạ dày, lá lách, thận, tuyến, nội tiết.

69. Viêm tuyến sữa (sưng vú):

Dùng huyết: Vùng ngực, nhũ tuyến, tim, phổi, thần môn, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận.

70. Đau bụng kinh:

Dùng huyết: tử cung, tuyến nội tiết, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não.

71. Kinh nguyệt không đều — rong huyết:

Dùng huyết: Tử cung, buồng trứng, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, diềm não, gan, thận, lá lách.

72. Huyết trắng quá nhiều:

Dùng huyết: tử cung, buồng trứng, tuyến nội tiết.

73. Viêm nội mạc tử cung:

Dùng huyết: tử cung, buồng trứng, tuyến nội tiết, lòng xương chậu, bộ sinh dục ngoài.

74. Âm hộ ngứa ngáy:

Dùng huyết: Châm, phổi, thần, môn, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận (lễ vùng diềm bộ sinh dục ngoài cho ra máu).

BỆNH NHI KHOA

CHỨNG BỆNH:

75. Tiểu hóa yếu kém:

Dùng huyết: Đại trường, tiểu trường, thần môn, tam tiêu.

76. Động kinh :

Dùng huyết: tim, gan, lá lách, chàm, thần não, thần môn, giao cảm, vùng dưới vỏ não (nếu nóng sốt cao thì lẽ hai bên điểm giải nhiệt cho ra máu).

77. Mồ hôi trộm :

Dùng huyết: Tim, phổi, thận, lá lách, chàm, thần môn, tuyến nội tiết.

78. Bệnh ho gà :

Dùng huyết: Bình sườn, phổi, nhánh khí quản, chàm, thần môn, tuyến thượng thận, họng hầu, tuyến nội tiết.

79. Giải nhiệt (khi nóng sốt cao) :

Dùng huyết: Hai bên huyết bình tiêm, nhĩ tiêm và điểm giải huyết lẽ cho ra máu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BỆNH TAI, MẮT, MŨI, HỌNG

CHỪNG BỆNH :

80. Răng đau nhức :

Dùng huyết: Điểm đau răng, thận, dạ dày, đại trường (hoặc chỉ dùng điểm chàm tê nhỏ răng, hàm trên, hàm dưới).

81. Viêm tai giữa :

Dùng huyết: tai trong, tai ngoài, tuyến nội tiết, chàm, thần môn.

82. Tai ù — Tai điếc :

Dùng huyết : Gan, thận, tuyến thượng thận, chàm, tai trong, tai ngoài.

83. Viêm xoang mũi :

Dùng huyết : Mũi trong, mũi ngoài, phổi đại trường, trán, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận.

84. Chảy máu cam :

Dùng huyết : Mũi trong, trán, phổi, tuyến thượng thận (hoặc bấm chặt hai bên nhĩ tiêm cũng sẽ cầm máu).

85. Viêm Amidal :

Dùng huyết : Họng hầu (hoặc lễ ba điểm amidal ở vành tai cho ra máu).

86. Viêm họng hầu cấp mãn tính :

Dùng huyết : Họng hầu, tim, phổi, thần môn, tuyến nội tiết, tam tiêu (hoặc lễ hai bên nhĩ tiêm cho ra máu).

87. Nói khàn — Tắt tiếng :

Dùng huyết : Họng hầu, tim, phổi, thần môn, tuyến nội tiết, thận, chàm.

88. Đốc vọng sưng đau :

Dùng huyết : Họng hầu, phổi, thần môn, tuyến nội tiết, thận, chàm.

89. Viêm lưỡi :

Dùng huyết : Tim, lưỡi, lá lách, thần môn, tuyến thượng thận.

90. Lở miệng :

Dùng huyết: Viêm mồm, dạ dày, lưỡi, phổi, thần môn, tuyến nội tiết, lá lách.

91. Nổi mụn lẹo :

Dùng huyết: Tim, phổi (hoặc lẽ hai bên nhĩ tiêm cho ra máu).

92. Đau mắt đỏ :

Dùng huyết: Viêm mắt, gan, phổi (hoặc lẽ hai bên huyết nhĩ tiêm cho ra máu).

93. Cận thị :

Dùng huyết: Thị lực 1, thị lực 2, thận, gan.



downloadsachmienphi.com

BỆNH NGOÀI DA

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHŨNG BỆNH : _____

94. Mẩn ngứa ngoài da :

Dùng huyết: tim, phổi, gan, dạ dày, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, chàm và những huyết tương ứng.

95. Mề đay — Dị ứng :

Dùng huyết : Phổi, gan, chàm, dạ dày, tuyến thượng thận, thần môn, tuyến nội tiết (hoặc hai bên vùng dị ứng, lẽ cho ra máu).

96. Năm ngứa mọc ở bàn tay :

Dùng huyết : Phổi, lá lách, đại trường, thần môn.

tuyến thượng thận, chẩm (lễ các huyết tương ứng cho ra máu).

97. Đổ chóp mũi :

Dùng huyết : Phổi, tuyến nội tiết (châm lễ huyết mũi ngoài cho ra máu).

98. Sưng quai bị:

Dùng huyết : Tuyến nội tiết, vùng dưới vỏ não, tuyến hàm, chẩm (lễ vùng gò má cho ra máu).

99. Mồ hôi ra nhiều :

Dùng huyết : Tim, phổi, thần môn, giao cảm, chẩm, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não.

100. Rụng tóc — Sói đầu :

Dùng huyết : Chẩm, tuyến nội tiết, thận, phổi (lễ huyết tương ứng cho ra máu).

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHĨ HUYỆT TÂN LIỆU PHÁP

TẬP II

downloadsachmienphi.com

Tác giả : HUỖNH VĂN TÂM

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHĨ HUYỆT TÂN LIỆU PHÁP

I – LỜI NÓI ĐẦU

Nhĩ châm là áp dụng phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh qua các điểm phân xạ và tương ứng trên loa tai. Mấy năm gần đây ở các nước như : Liên Xô — Pháp — Đức... Nhiều nhà Y học đã say mê nghiên cứu và thực nghiệm bộ môn này. Còn ở Việt Nam ta, bộ môn « Nhĩ châm » đã được các lượng y châm cứu áp dụng rộng rãi trên lâm sàng chữa bệnh từ nhiều năm về trước.

Tạp chí « Y học thực hành » do Bộ Y tế xuất bản số 5 — 6 (1985) có công bố một tài liệu « Ứng dụng phương pháp châm tai (Nhĩ châm) trong chẩn đoán và phòng chữa bệnh » cho biết: trên 5.000 trường hợp châm tai để chẩn đoán và kết hợp 500 trường hợp chữa bệnh qua máy dò K.3 (Cục Quân y sản xuất) đã khẳng định đặc hiệu của « Nhĩ châm » là cắt cơn đau, chữa bệnh cấp tính kể cả châm tễ, ngoài ra còn có tác dụng phòng bệnh tái phát. Bài báo vạch rõ nhiều nơi thường dùng một kim nhỏ loại đặc biệt (nhĩ hoàn) gài vào điểm đau tương ứng với bộ phận có bệnh để phòng bệnh tái phát.

Và cũng đề khắc phục những nơi không có nhĩ hoàn đồng thời tránh được tai biến nhiễm khuẩn hoặc sợ đau của bệnh nhân đã thay cách gài kim nhĩ hoàn bằng đặt đũa vào điểm đau một viên tròn nhỏ như đầu tăm làm bằng loại gỗ xếp (gỗ bồ đề) sau đó gấn chặt bằng băng dính.

Bác sĩ Trương Thìn tại Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng phương pháp nhĩ châm để cai ma túy cho bệnh nhân trong nhiều năm qua cũng đã thu được kết quả tốt.

Một nhóm lương y chăm cứu tỉnh Sông Bé nhiều năm qua đã cố gắng trong công trình nghiên cứu và phát triển « Nhĩ châm » nhằm phục vụ chữa bệnh cho nhân dân đạt thành tích khả quan và đã xuất bản hai bức hình đồ « Nhĩ châm » do chúng tôi biên soạn :

1. Hình nhĩ châm tối tân.
2. Tranh tả hình của nhĩ châm.

Nhận xét về công trình nói trên, giáo sư Nguyễn Tài Thu có gởi cho tác giả Huỳnh Văn Tâm bức thư ngày 4-3-1978 có đoạn : « Việc làm đó khiến chúng tôi rất phấn khởi, hy vọng anh cùng đồng nghiệp sẽ phát huy được tốt hơn nữa tác dụng của Nhĩ châm nói riêng, tân châm nói chung trong sự nghiệp chữa bệnh cho nhân dân bằng Y học dân tộc... »

Điều lý thú là quá trình nghiên cứu của chúng tôi lại trùng hợp với phương pháp của các lương y ở Hà Nội, nhưng thay vì đặt hạt thuốc đặc chế có tác dụng được lý trên nhĩ huyết như chúng tôi nghĩ ra, thì

các lương y Hà Nội lại đặt viên tròn nhỏ như đầu tăm làm bằng gỗ bở để.

II — NHĨ HUYỆT TÂN LIỆU PHÁP

— *Khái niệm tổng quát :*

« Nhĩ huyết tân liệu pháp » là một sáng kiến của chúng tôi và có sự cộng tác của các thành viên Câu lạc bộ Khoa học chăm cứu tỉnh Sông Bé nói chung áp dụng để phòng và chữa bệnh không dùng thuốc và không gây đau cho bệnh nhân.

— *Đặc sắc :*

Dựa trên cơ sở phương pháp trị liệu của nhĩ châm dùng những huyết phản xạ và điềm phản ứng để tùy chứng mà phối hợp các huyết, chỉ dùng một hạt thuốc đặt trên cao dẫn rồi ấn vào những huyết trên loa tai, do tác dụng phản xạ của hệ thần kinh để gây tác động phòng và chữa bệnh. Những hạt thuốc đó thay thế kim châm không gây tổn thương da thịt bệnh nhân và không gây cảm giác đau, vừa an toàn lại có hiệu quả nhất định đối với người lớn lẫn trẻ em. « Nhĩ huyết tân liệu pháp » là một cách chữa bệnh không dùng thuốc, không tốn kém nhiều, thủ thuật đơn giản lại có tác dụng phòng bệnh và chữa bệnh, đặc biệt nhất là đối với các chứng bệnh, đau nhức thần kinh của những thể bệnh thông thường hay chấn thương đều có tác dụng giảm đau, để trợ giúp người bệnh giảm bớt liều lượng dùng thuốc chống đau (dạng uống hay dạng tiêm), phương pháp này phù hợp với phương châm, đường lối của ngành Y tế chúng ta đang đòi hỏi và góp phần phổ biến Y học có tính chất dân tộc — khoa học — đại chúng.

— Công dụng :

« Nhĩ huyết tán liệu pháp » có khả năng phòng bệnh và chữa bệnh, đặc biệt có hiệu quả đối với các chứng đau nhức dai dẳng lẫn cả di chứng đau hậu phẫu và đối với những chứng bệnh huyết áp thấp, suy nhược thần kinh, mất ngủ... cũng có khả năng phòng ngừa bệnh sốt rét, chận cử sốt rét, phòng chống cảm cúm sưng quai bị. Đối với bệnh trẻ em như : yếu kém tiêu hóa, thường hay tiêu chảy và những bệnh phụ nữ, đau bụng kinh, kinh nguyệt không đều, đều có kết quả tốt, phương pháp này giúp cho phụ nữ sanh đẻ không đau là một điều lý tưởng.

— Thủ thuật :

Trước hết dùng cây que (dụng cụ dò huyết vị) thám sát những huyết trên loa tai và các phương huyết để chữa bệnh, rồi dò ấn cây que gây sự kích thích trên huyết vị, mỗi huyết nhún kim lên xuống liên tục từ một đến hai phút, làm sức vừa phải. Sau đó chọn lấy những huyết chính, dùng hạt thuốc đặt trên cao dán, dán sát ngay huyết vị để thay thế cây kim nhĩ châm mà lưu kim là hoàn tất thủ thuật.

Cần cân nhắc bệnh nhân cách 2—3 giờ phải ấn xoa những nơi có hạt thuốc dán trên các huyết của loa tai một lần ; thời gian lưu giữ hay gỡ bỏ hạt thuốc dò thì tùy ý, không sợ gây viêm nhiễm hoặc có phản ứng gì.

Nếu có điều kiện dùng máy điện châm ra trên các huyết để chữa bệnh rồi kế tiếp dùng hạt thuốc dán đúng những nơi huyết đó thì kiến hiệu càng nhanh, kết quả càng cao.

III – CÁCH BÀO CHẾ CỦA HẠT THUỐC VÀ TÁC DỤNG TRỊ LIỆU

Dùng hạt bông móng tay, qua sự chế biến ngâm cần với tiêu lổp, rồi đem phơi khô thành những hạt thuốc, đóng kín trong lọ để tiện sử dụng.

Hạt bông móng tay Đông y gọi là « Phung tiên tử », hay « Cấp tinh tử », tên khoa học là IMPATIENS BALAMINA khi vị hơi đắng tính ôn, có chút ít chất độc, công năng : thấu cốt, thông khiếu, dực sản thông kinh, trục đàm, tiêu tích.

Tiêu lổp, Đông y gọi là « Tắc phát » hay « Tắc cập », tên khoa học là PIPER CONGUM. Khi vị : thơm cay, tính đại ôn, công năng : khu phong, chỉ thống dùng để trị bệnh đau răng, đau dạ dày hay nhức đầu do thần kinh gây nên có hiệu quả rất tốt.

Hạt thuốc này, qua sự chế biến hai dược chất kể trên có tác dụng vật lý gây nóng trên huyết vị và thấm vào da thịt, gây sự hưng phấn cho thần kinh tạo nên kích thích liên tục và lương tính qua tác động của hệ kinh lạc nơi huyết vị để được đưa đến kết quả trị liệu.

Hạt thuốc này đặt trên cao dán, để dán ngay các nơi đau ở trên cơ thể cũng có tác dụng chống đau (chủ yếu là đau phong thấp). Phương pháp này Đông y gọi là « Thiên cứu ». Chúng tôi đã từng áp dụng cách « Thiên cứu » để giúp cho những người cai thuốc lá cũng đạt được kết quả rất tốt.

IV — PHỤ CHÚ

1. Nhĩ huyết tán liệu pháp vì không dùng đến châm kim nên dùng huyết phải nhiều hơn để tăng cường hiệu quả.

Cần nói rõ hơn, vì huyết giao cảm nằm sâu bên trong nên mỗi lần chữa bệnh sau khi dùng kim que ấn nơi huyết vị tạo sự kích thích, xong rồi khi dán hạt thuốc thì phải dùng huyết bộ sinh dục ngoài hay dùng huyết chống đau 2 để thay thế.

(Huyết chống đau 2 phải dùng chung cùng một lúc hai điểm tức huyết ế phong là một điểm và ngay thẳng xuống một thốn rưỡi cũng là một điểm).

2. Kết hợp thủ thuật xoa bấm những nơi đau.

Trên thực tế chúng ta chúng ta cần nắm vững hai yếu tố: khám tìm ra được điểm mẫn cảm và ấn các nơi huyết phản chiếu trên loa tai cho chính xác, lại cộng với động tác xoa bấm ngay những nơi đau trên cơ thể thì dĩ nhiên sẽ đạt được kết quả chống đau trong mức nhất định.

3. Kết hợp thủ thuật cào ráy lỗ tai :

Tức dùng cây móc tai để cào ráy lỗ tai cứ cách 2 giờ cào ráy lỗ tai một lần, mỗi lần liên tục 10 phút đối với các chứng bệnh viêm tính trong nội tạng có tác dụng tăng cường trấn đau và chống viêm.

Phương thức cào ráy lỗ tai áp dụng để chữa bệnh cho trẻ sơ sinh có tác dụng hạ nhiệt an thần, chống ho lại an toàn thỏa đáng.

V — TÀI LIỆU THAM KHẢO

— Trên nguyên tắc, chữa bệnh không dùng thuốc và cũng liên quan đến áp dụng nhĩ huyết nên chúng tôi giới thiệu thêm một phương pháp thích huyết trên nhĩ huyết để chữa bệnh. Có tác dụng chống viêm, hạ nhiệt một cách nhanh chóng.

Hạ nhiệt : nhĩ tiêm (đỉnh vành tai), bình tiêm (đỉnh bình tai), tuyến thượng thận hay 6 điểm vành tai.

Đau mắt đỏ :

Thích huyết : điểm mắt, gan, phổi, tim, đại trường, tiểu trường và hai huyết nhĩ tiêm (kết hợp thủ thuật cào ráy lỗ tai).

Viêm Amidal cấp mãn tính :

Thích huyết ba điểm trên vành tai, bình tiêm vùng hàm mặt, điểm amidal.

Nổi mụt lệ mắt :

Thích huyết : huyết, nhĩ tiêm, gan, lá lách, điểm mắt.

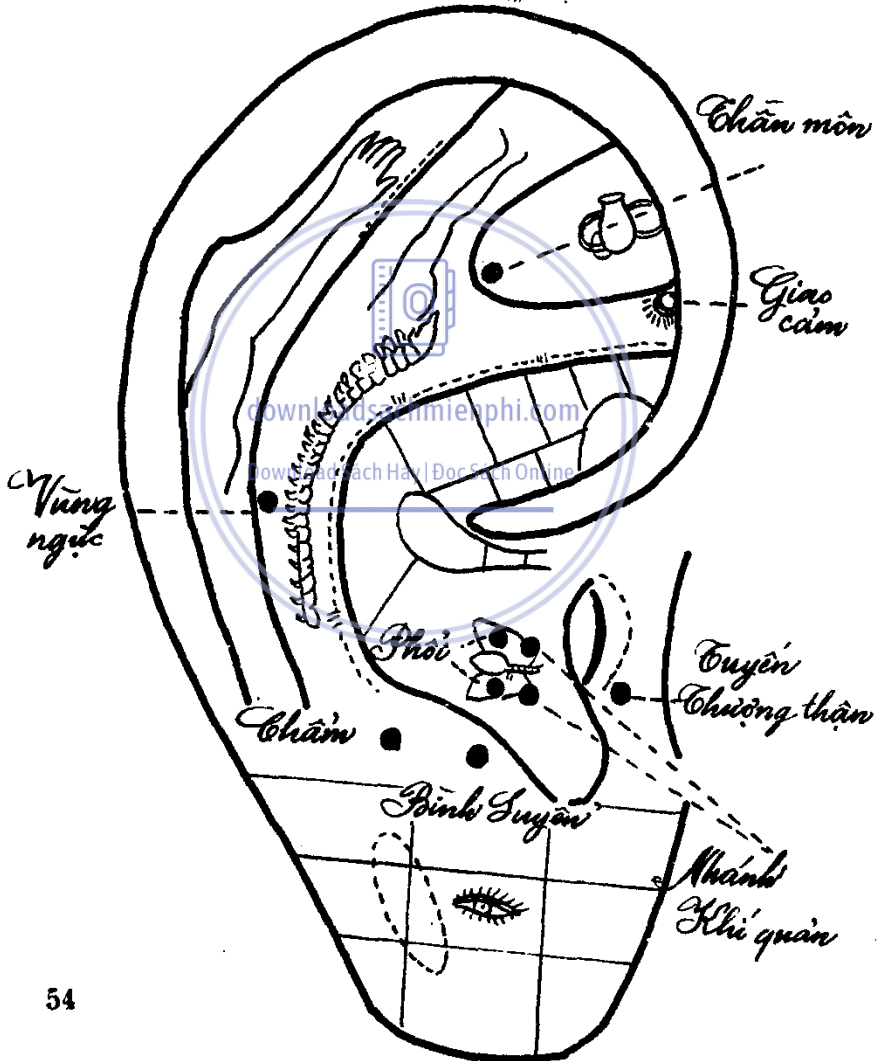
Viêm cổ họng cấp mãn tính :

Thích huyết : huyết họng hầu, tim phổi, thận, châm, nhĩ tiêm, tuyến nội tiết.

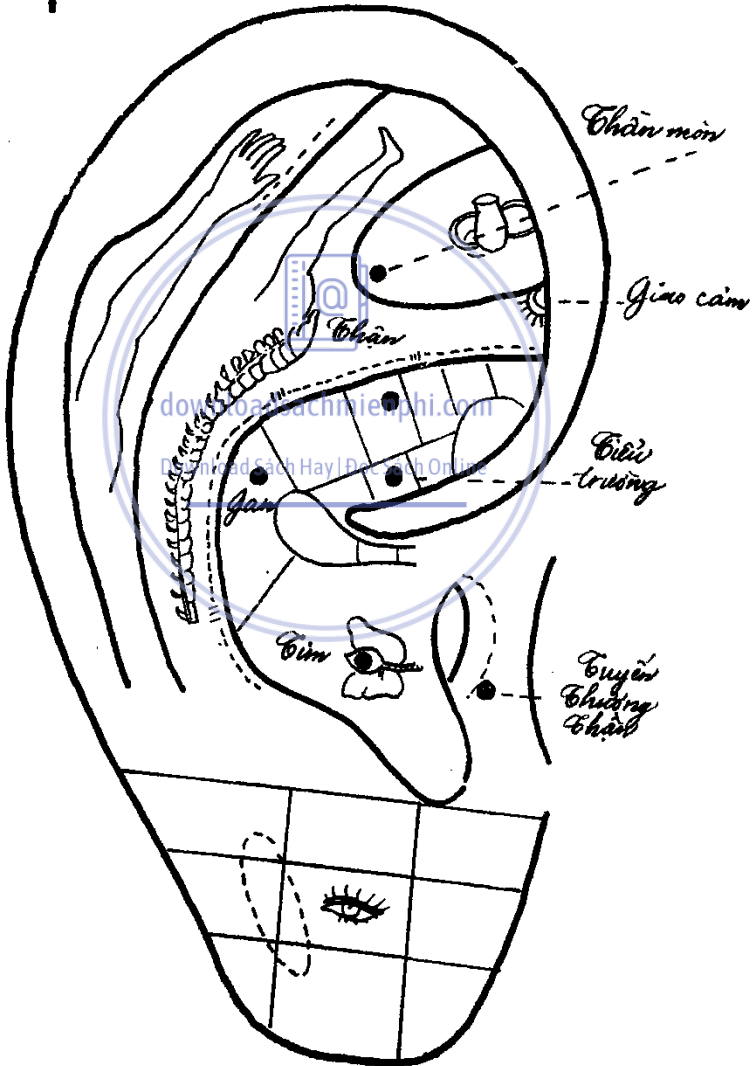
Dị ứng mào ngứa :

Thích huyết huyết : Vùng dị ứng (ở trong thùy tai) và huyết tương ứng nơi ngứa hay thích huyết huyết lưng tai giữa và lưng tai dưới (ở phía sau loa tai).

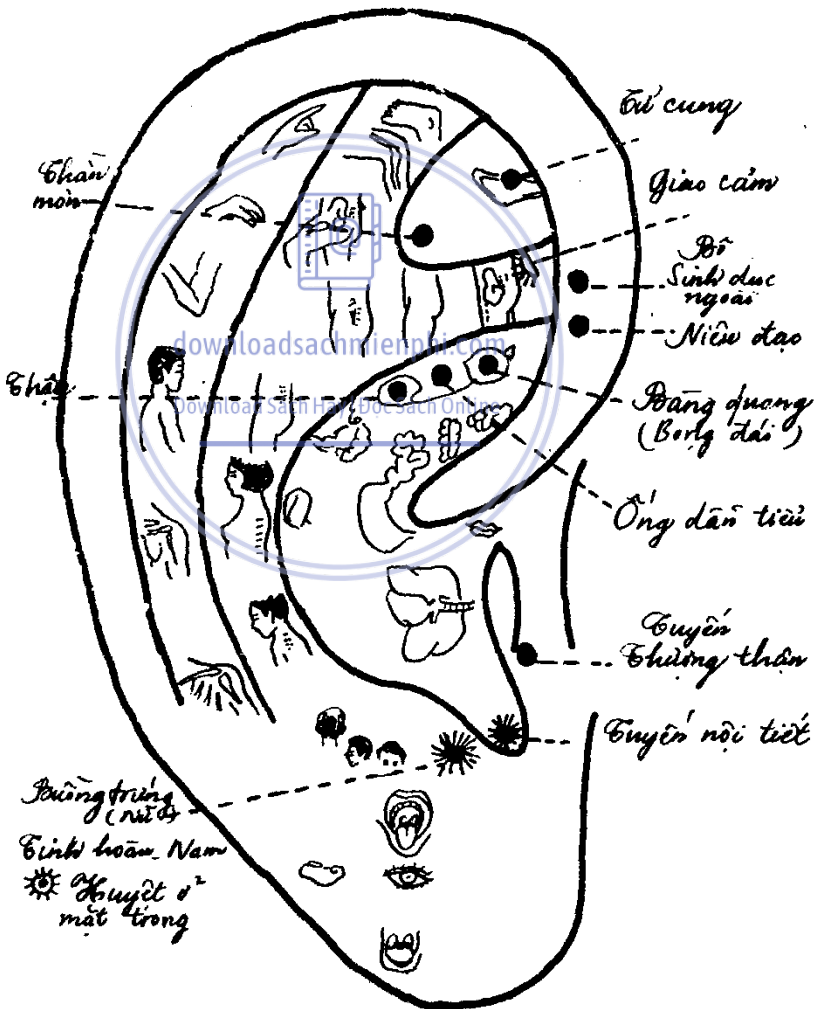
HUYỆT TỔNG QUÁT Chữa Bệnh BỘ HÔ HẤP



HUYỆT TỔNG QUÁT *Chữa Bệnh* HỆ THỐNG TUẦN HOÀN



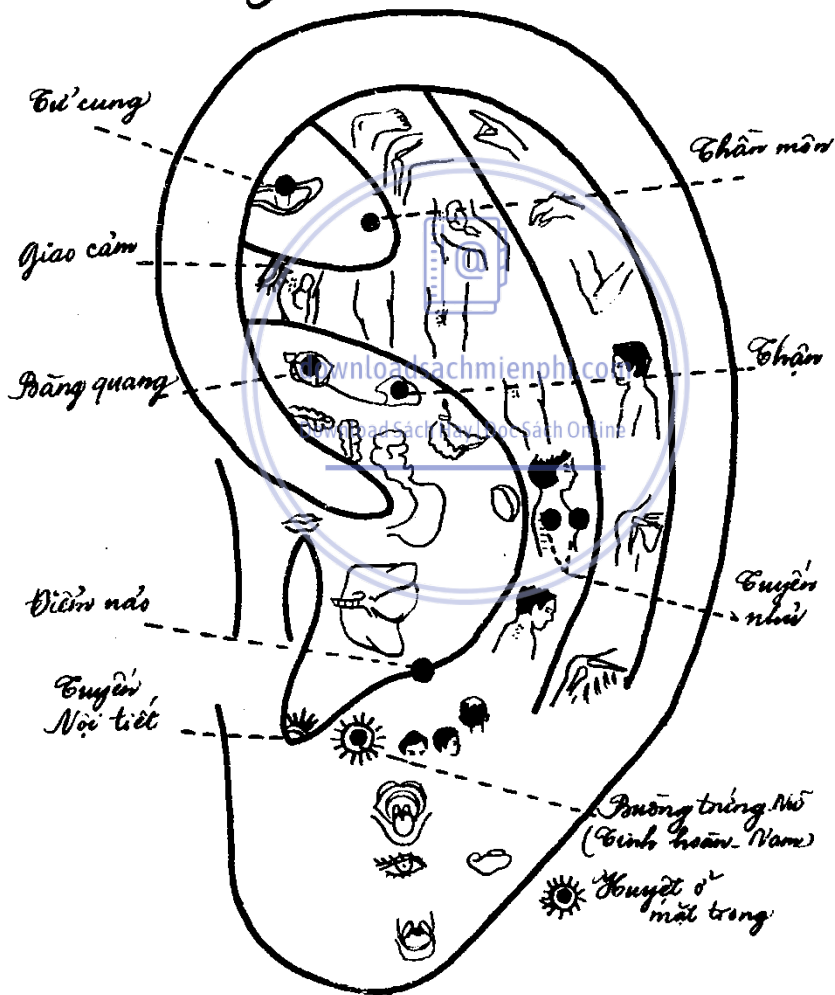
HUYỆT TỔNG QUÁT Chữa Bệnh Hệ Thống TIẾT NIỆU và BỘ SINH DỤC



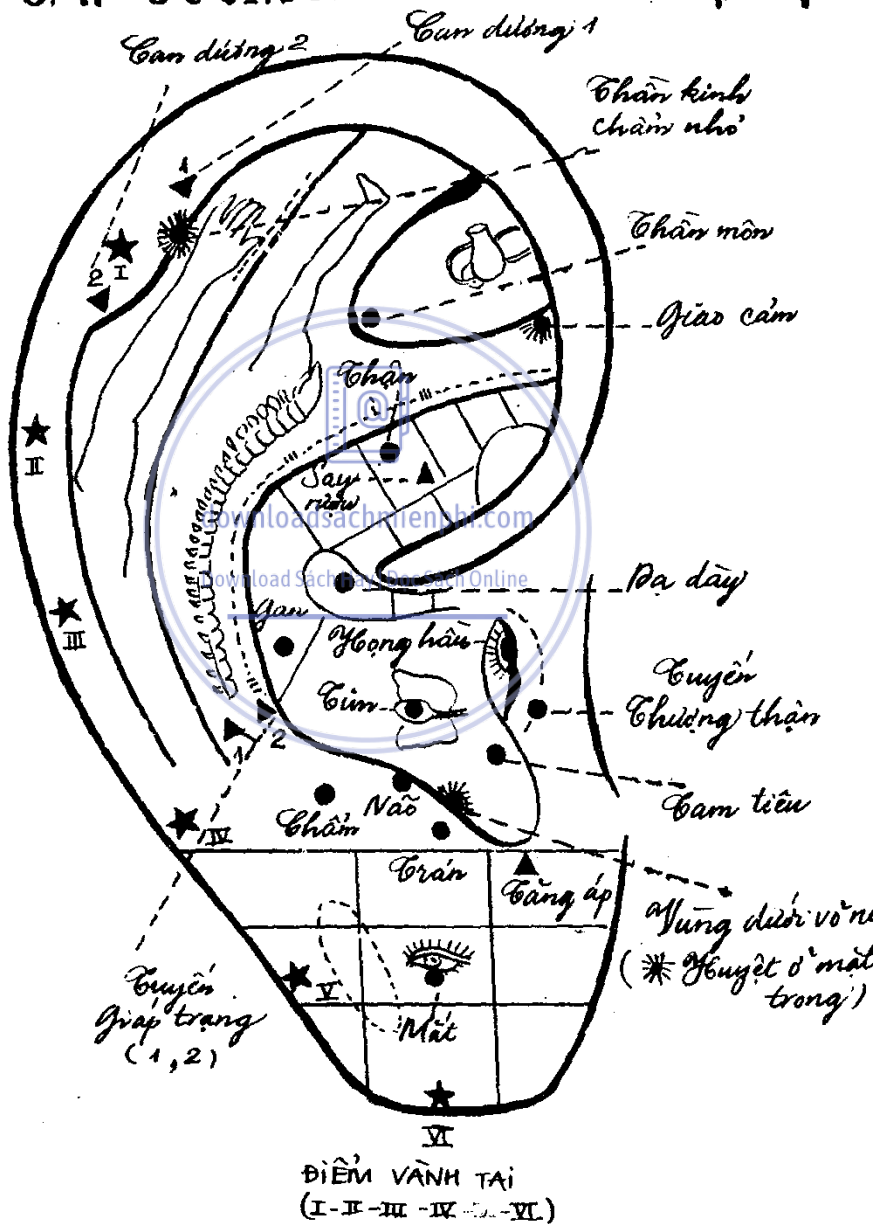
HUYỆT TỔNG QUÁT

Chữa bệnh

Hệ thống TUYẾN NỘI TIẾT



CẤP CỨU NGẮT XIU GIẢI NGỘ ĐỘC



*** CẤP CỨU NGẮT XIU — HÔN MÊ :**

1. Tim, chàm, thần môn, giao cảm, điểm não, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não (trùng nắng ngắn xiu nẻ thêm hai huyết nhĩ tiêm cho ra máu, nếu huyết cao thì nẻ thêm rãnh hạ áp cho ra máu).

2. Điểm tăng áp, tuyến giáp trạng, tuyến thượng thận, giao cảm, vùng dưới vỏ não (dùng cho những người bệnh mất máu hay kiệt sức ngắn xiu).

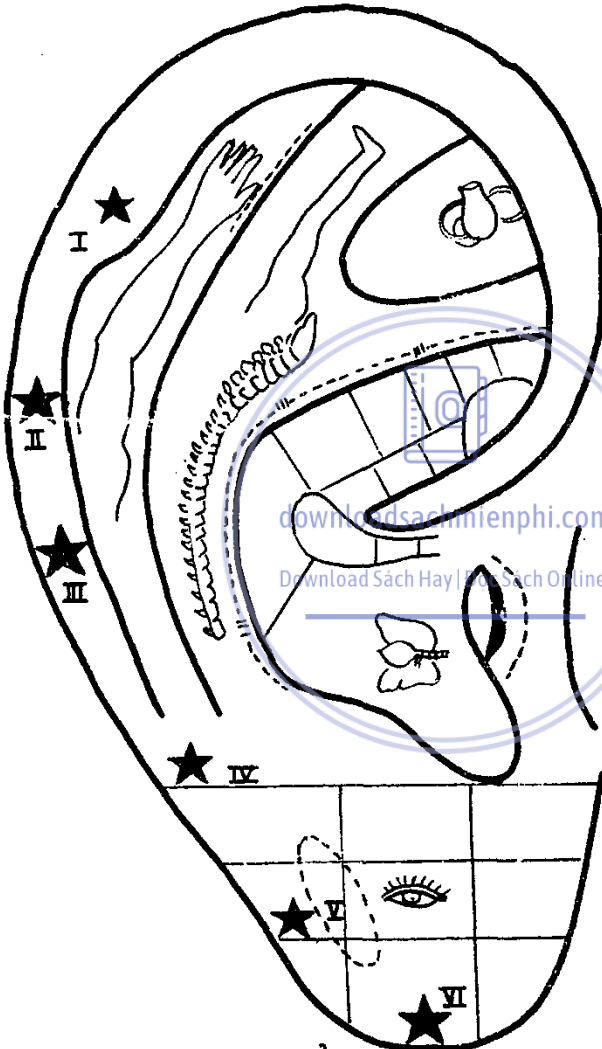
*** GIẢI NGỘ ĐỘC :** (trùng thuốc hoặc trùng thực)

Tim, gan, thận, dạ dày, tụy tiêu, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não, giao cảm (kết hợp móc cho ới).

*** GIẢI SAY RƯỢU :** Chàm, trán, vùng dưới vỏ não và nẻ điểm mắt với điểm say rượu và nhĩ tiêm cho ra máu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CAI THUỐC LÁ



CHÂM THUẬT

Mỗi ngày luân phiên châm 3 huyết trong 6 điểm vành tai (Mỗi bên loa tai châm 2 ngày).
Cách khoảng châm 4 lần trong 1 tuần cho đến khi không còn ghèn thuốc lá tã về cai dứt, mỗi lần lưu kim từ 15 đến 30 phút, cường độ kích thích trung bình, khoảng cách 2-3 phút về kim 1 lần.

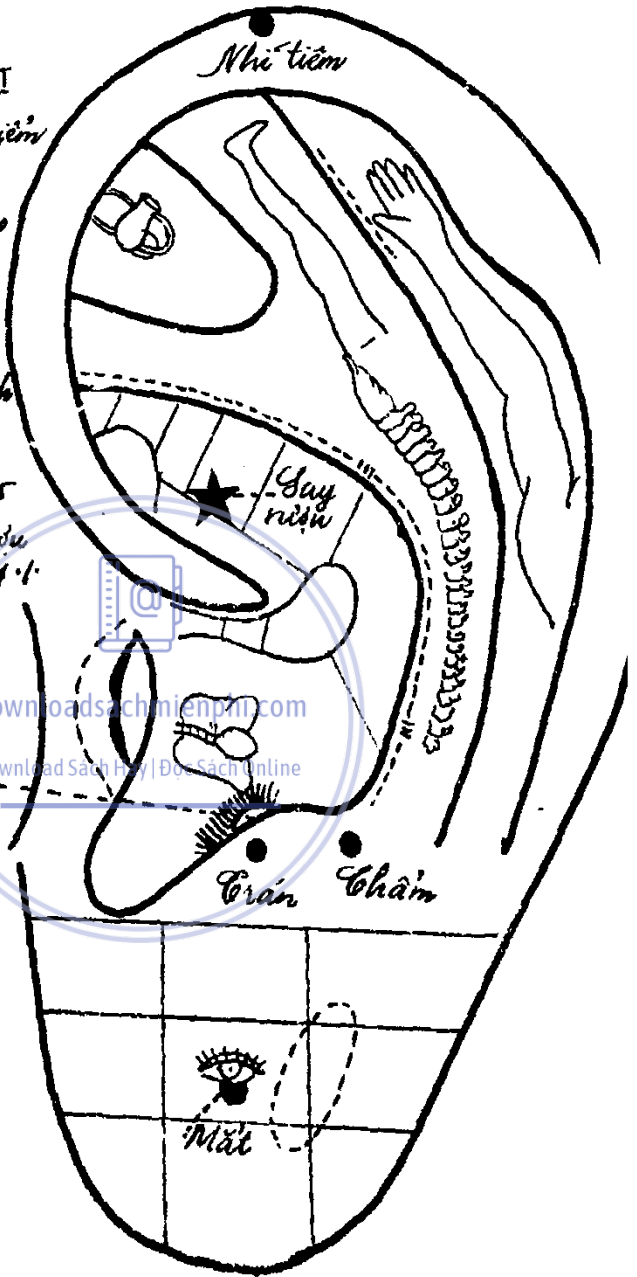
ĐIỂM VÀNH TAI

(I . II . III . IV . V . VI)

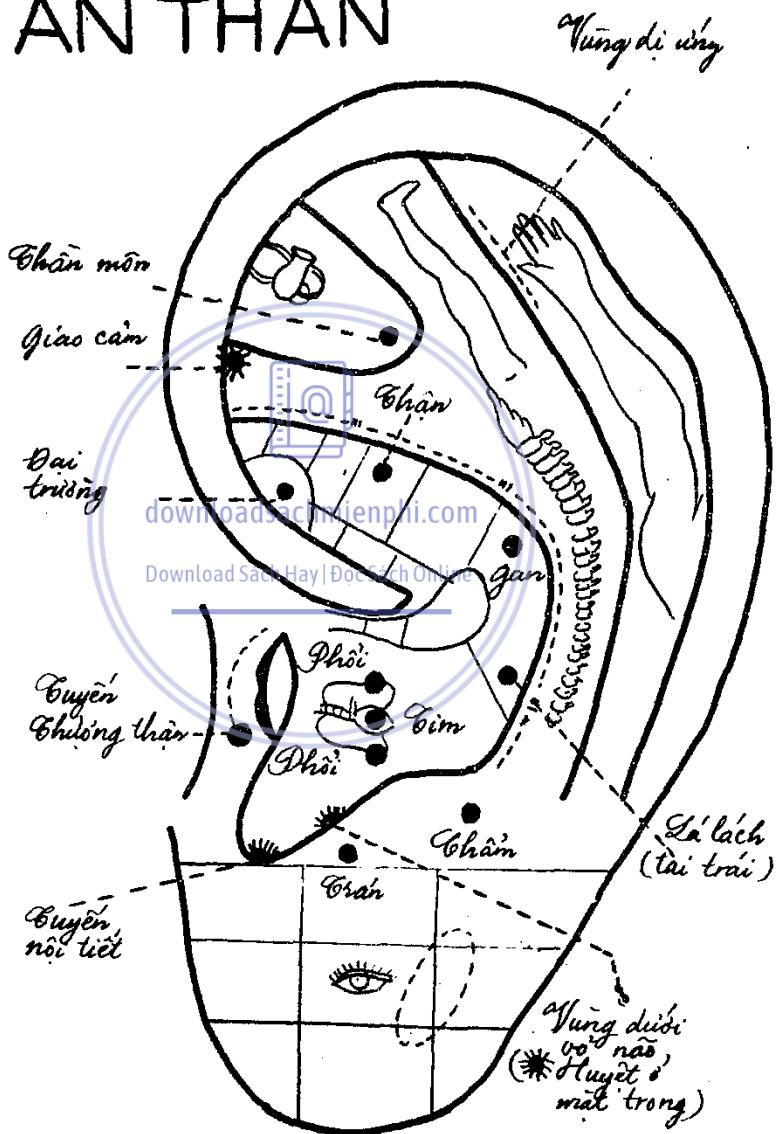
CHÂM THUẬT

- Trước hết, nê điêm mắt, nhĩ tiêm và điêm say rượu cho ra máu; kế tiếp châm điêm trán, chân, vùng dưới vỏ não, khoảng cách 1-2 phút về kim 1 lần, lưu kim 15 phút, sẽ giải rượu ngay.

ở vùng dưới vỏ não (* quyết ở mắt trong)



CHỐNG ĐAU AN THẦN



* **CHỐNG ĐAU** (Dùng cho các trường hợp bị chấn thương và đau nhức về bệnh lý hoặc hậu phẫu có di chứng đau) : Dùng huyết : Thần môn, giao cảm, châm, vùng dưới vỏ não, tuyến thượng thận và huyết tương ứng với nơi đau (đau phần xương chám thêm điểm thần, đởm, đau phần da thịt chám thêm điểm phổi, lá lách).

* **SANH ĐẼ KHÔNG ĐAU** : Dùng huyết : Thần môn, giao cảm, tử cung, điểm đốt sống lưng, khung xương chậu (châm khi chuyển bụng đẻ, đến sau khi sanh xong rồi mới rút kim).

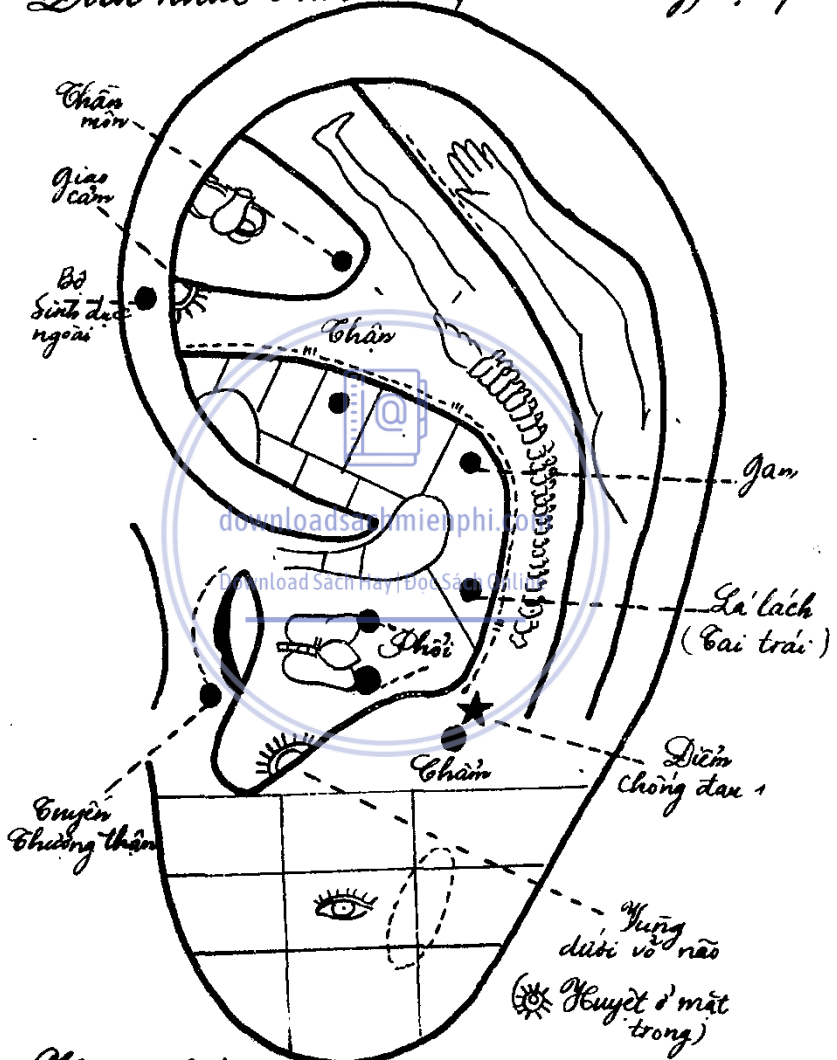
* **AN THẦN** : Dùng huyết : Tim, thần, trán, chám, thần môn, vùng dưới vỏ não.

* **CHỐNG VIÊM GIẢI ĐỘC** : Dùng huyết : Chám giao cảm, tuyến thượng thận, tuyến nội tiết, vùng dưới vỏ não và nẻ cho ra máu những điểm tương ứng với nơi bị viêm nhiễm.

* **CHỐNG DỊ ỨNG** : Dùng huyết : Phổi, đại trường, thần môn, tuyến nội tiết, tuyến thượng thận, vùng dưới vỏ não và những huyết tương ứng (hoặc nẻ vùng dị ứng hay nẻ ba điểm phía sau loa tai trên — dưới — giữa cho ra máu) (chống mẫn ngứa : chám thêm điểm gan, chám).

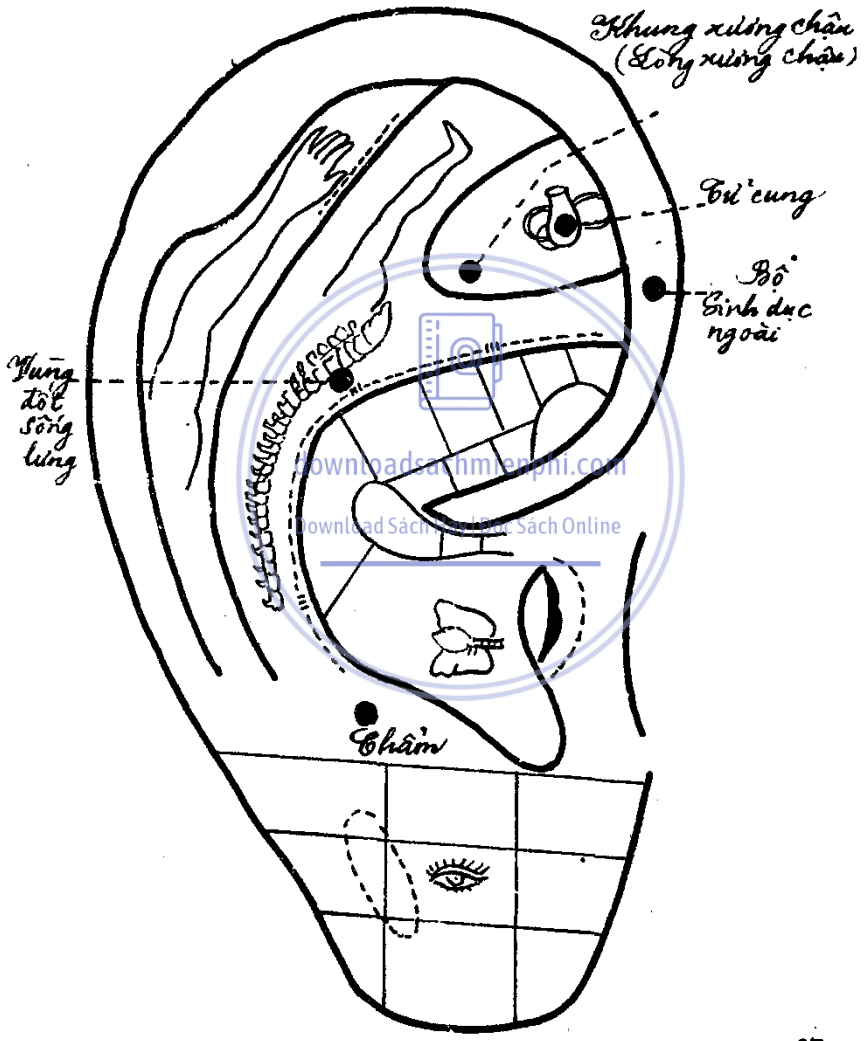
CHỐNG ĐAU

Đau nhức thần kinh, Chân thương, Đau phôi

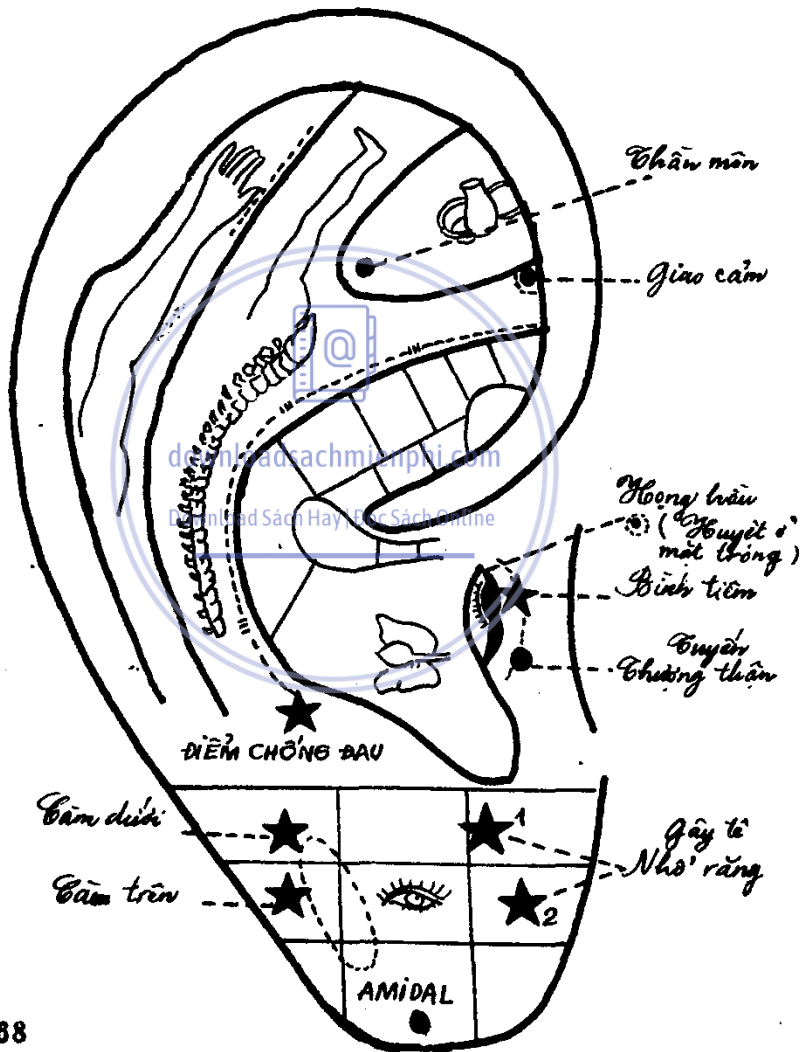


*Huyệt chông đau 2: phải dùng chung cũng 1 lúc
2 điểm, tức huyệt Ế phong là 1 điểm và ngay thẳng
xương 1 thôn rưỡi cũng là 1 điểm.*

SANH ĐỂ KHÔNG ĐAU



CHÂM TÊ NHÔ' RĂNG & CẮT AMIDAL



CHÂM TÊ

NHỔ RĂNG VÀ CẮT AMIDAL

* DÙNG HUYỆT :

— Nhổ răng : Thần môn, bình tiêm, diêm chống đau xuyên, 2 diêm cầm trên và cầm dưới, diêm gây tê nhổ răng 1 xuyên đến diêm 2.

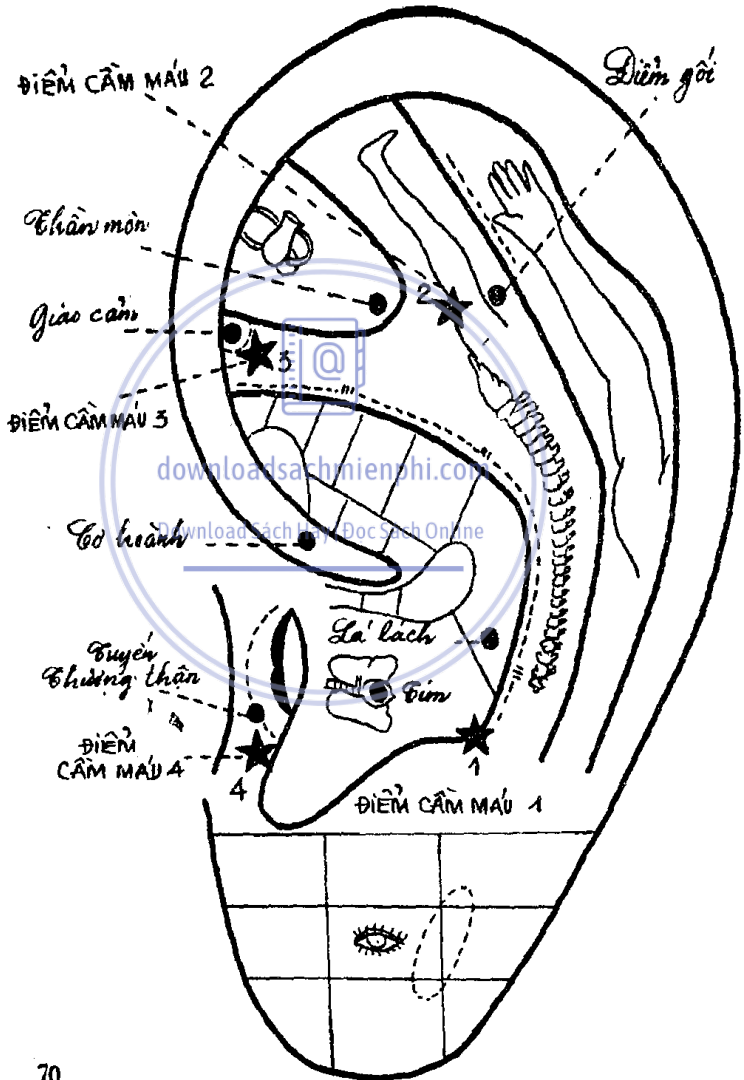
— Cắt Amidal : Diêm huyệt hầu, diêm chống đau xuyên đến 2 diêm cầm, diêm amidal và thần môn, giao cầm, tuyến thượng thận.

* CHÂM THUẬT :



Nhổ răng chỉ cần châm huyết một bên loa tai phía trước răng; còn cắt amidal thì châm cả hai bên loa tai. Thủ thuật dùng cách vẽ kim, mỗi huyết liên tục hành kim 1—2 phút, tốc độ vẽ kim 1 phút trên 180 lần, khoảng cách vẽ kim trong vòng 20—30 phút thì sẽ đạt được kết quả gây tê.

CẦM MÁU



CẦM MÁU

* DÙNG HUYẾT :

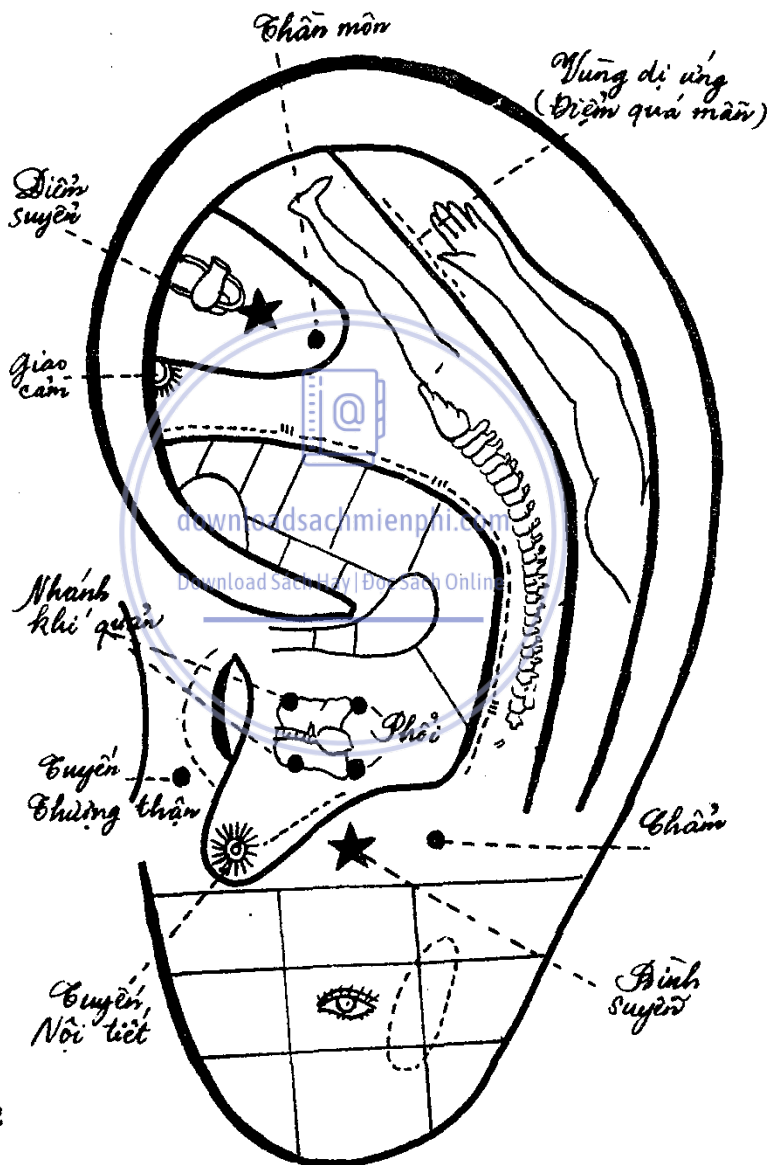
— Phương huyết 1: Tim, cơ hoành, lá lách, giao cảm, tuyến thượng thận và những huyết tương ứng với nơi xuất huyết.

— Phương huyết 2: Điem cầm máu 1 — 2 — 3 — 4 và những huyết tương ứng với nơi xuất huyết.

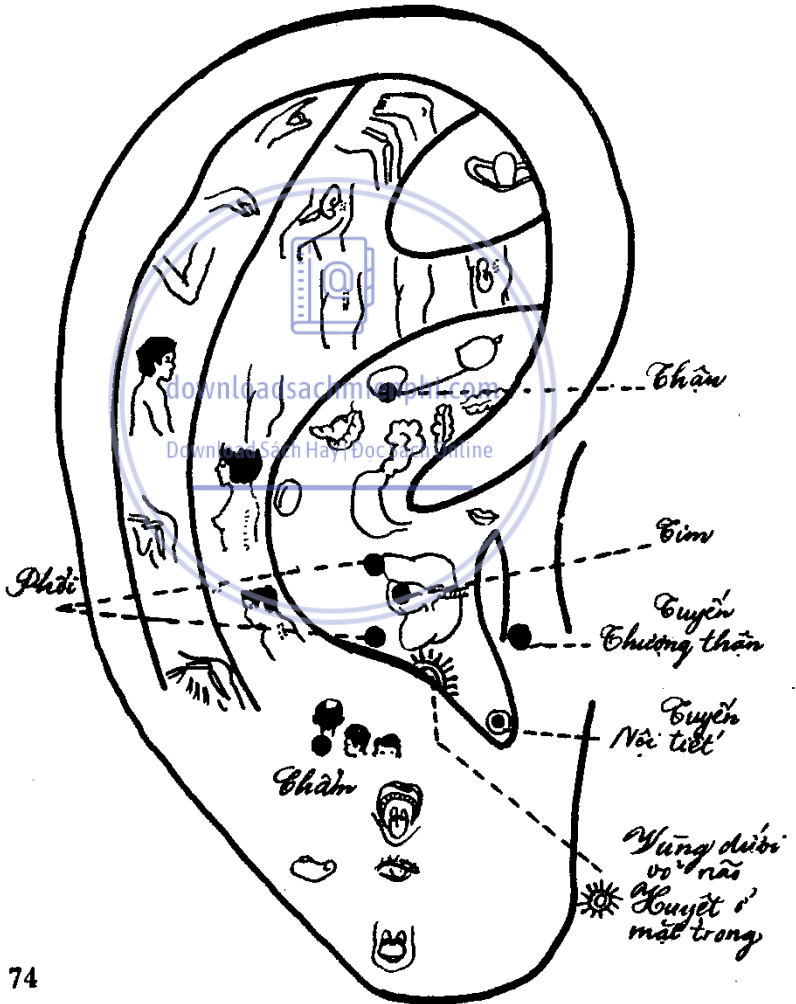
* CHÂM THUẬT :

Hai phương huyết trên đều phải kết hợp châm thêm những huyết tương ứng nơi xuất huyết: Bất cứ nội tạng hay ngoài cơ thể các bộ phận xuất huyết. Xuất huyết nặng phải kích thích mạnh, xuất huyết nhẹ thì cường độ kích thích trung bình, khoảng cách 2 — 3 phút về kim một lần, lưu kim từ 20 — 30 phút; 4 điem cầm máu phải châm theo thứ tự từ 1 — 4.

CẮT CÓN HEN



TRỊ RỤNG TÓC



THÍCH HUYẾT TRI CAO HUYẾT ÁP

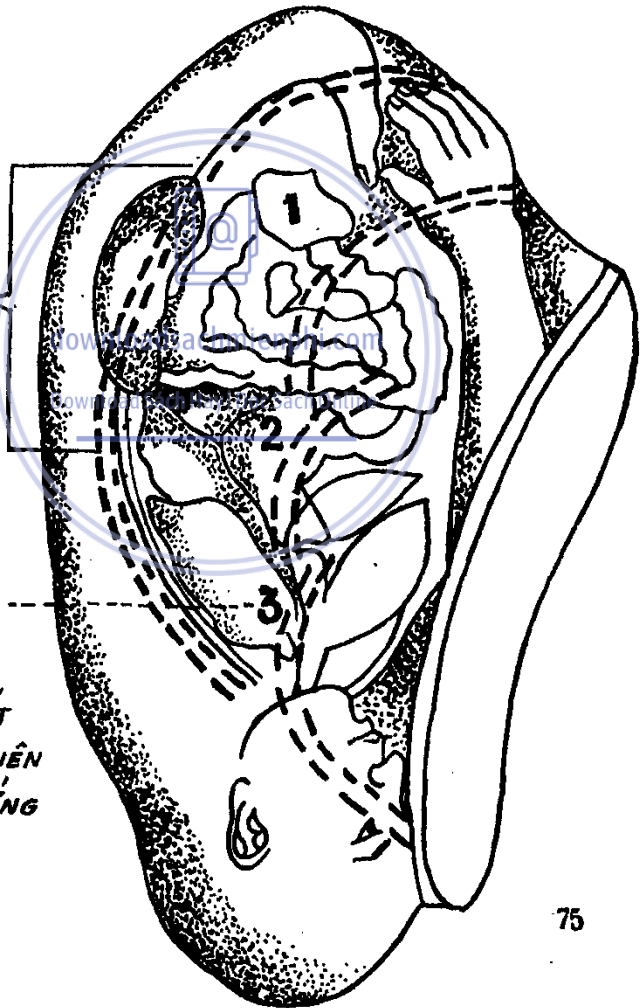
BỆNH MẮT PHONG NGŨA NHỨC ĐẦU
(NHỮNG HUYẾT PHÍA SAU LOA TAI)

GIÀN ÁP CẦU
RÀNH HẤP HUYẾT
THÍCH HUYẾT TRI:
CAO HUYẾT ÁP

1. LŨNG TAI TRÊN
2. LŨNG TAI GIỮA
3. LŨNG TAI DƯỚI

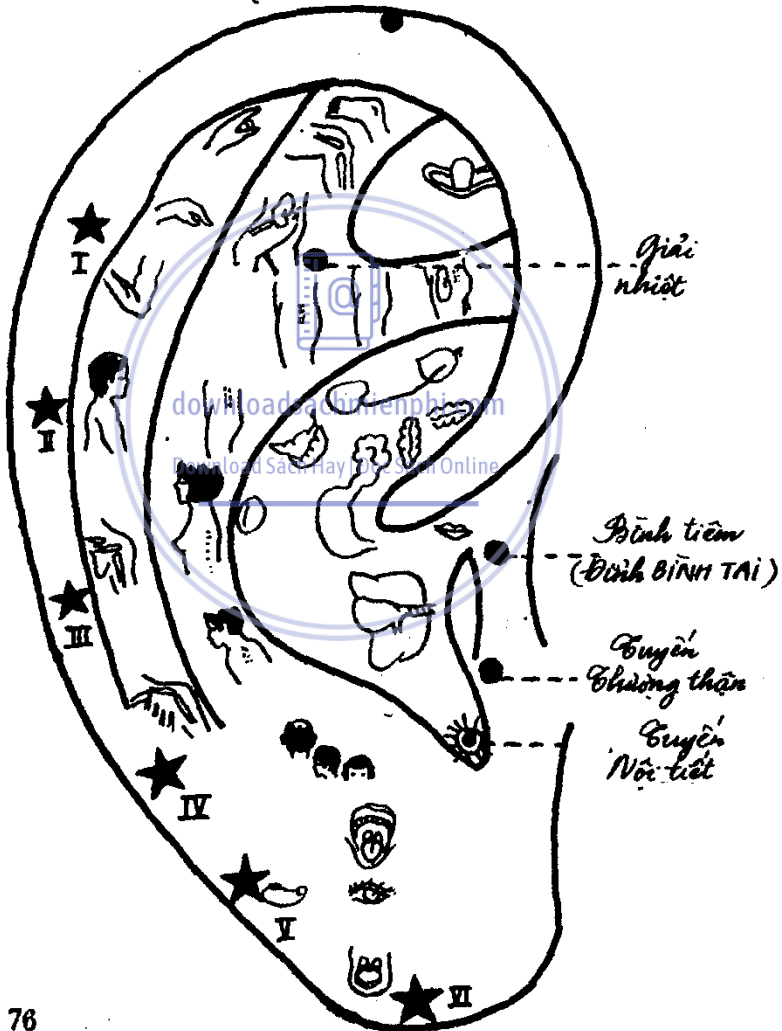
THÍCH HUYẾT TRI:

- CÁC BỆNH VỀ MẮT
- NHỨC ĐẦU KINH NIÊN
- PHONG NGŨA DỊ ỨNG



THÍCH HUYẾT GIẢI NHIỆT

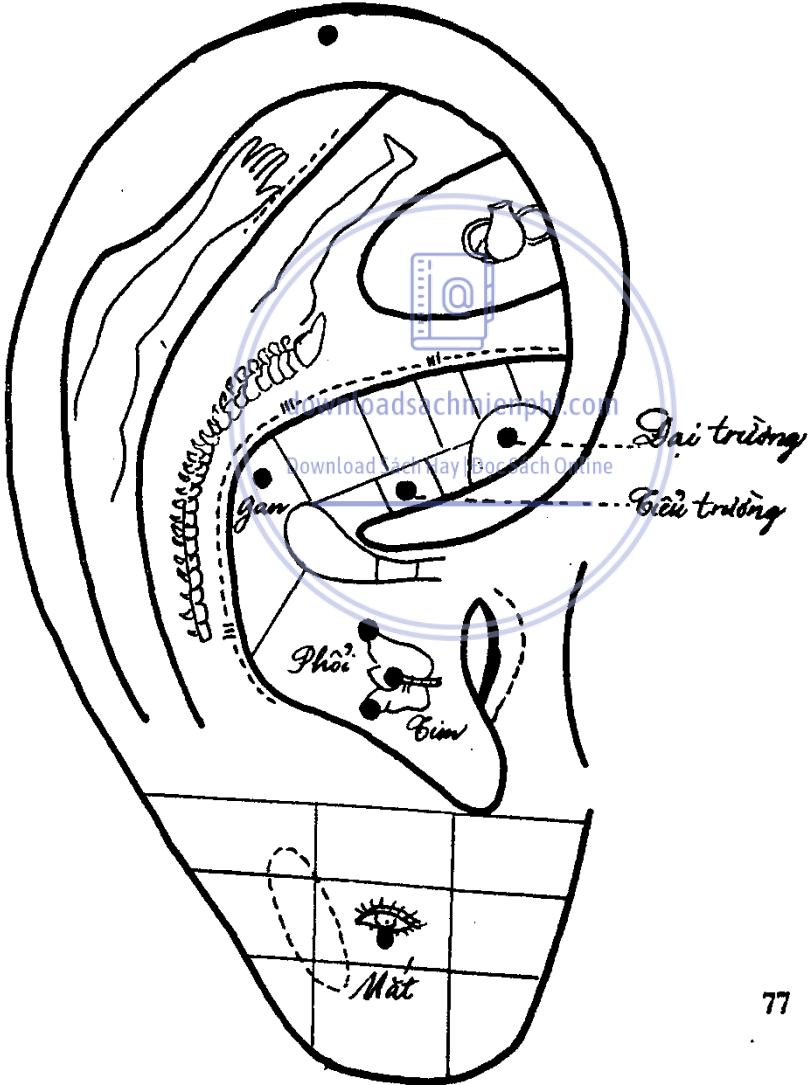
Nhi tâm
(ĐỈNH VÀNH TAI)



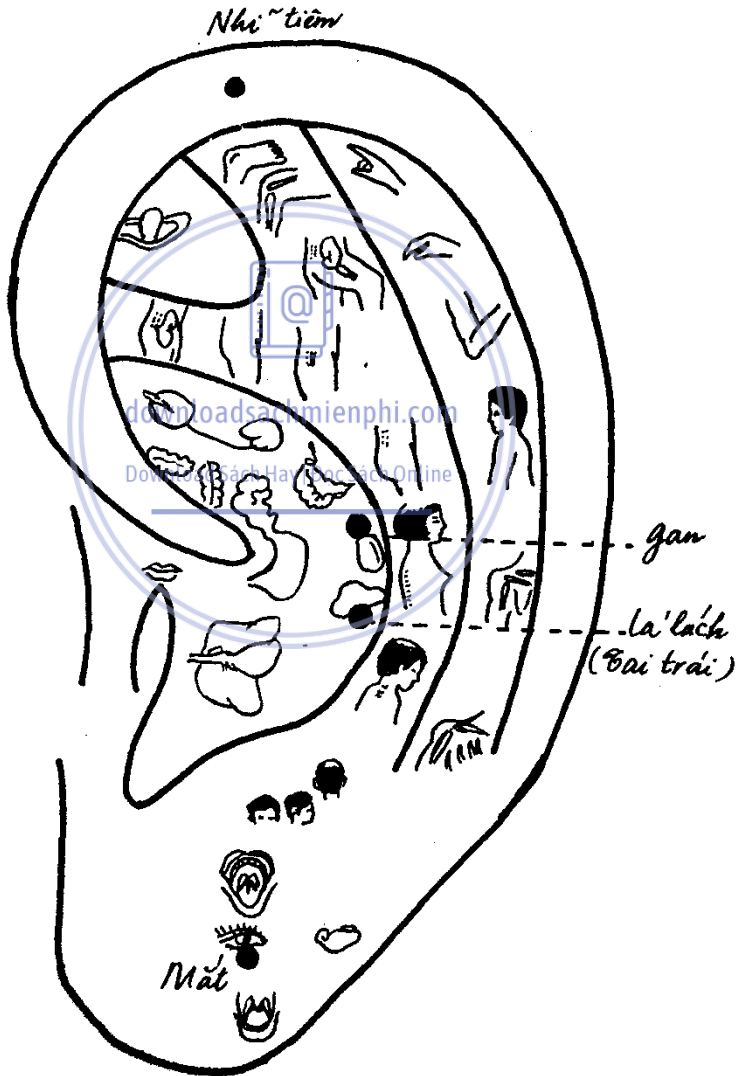
• ĐIỂM VÀNH TAI
(I . II . III . IV . V . VI)

THÍCH HUYẾT TRỊ ĐAU MẮT ĐỎ

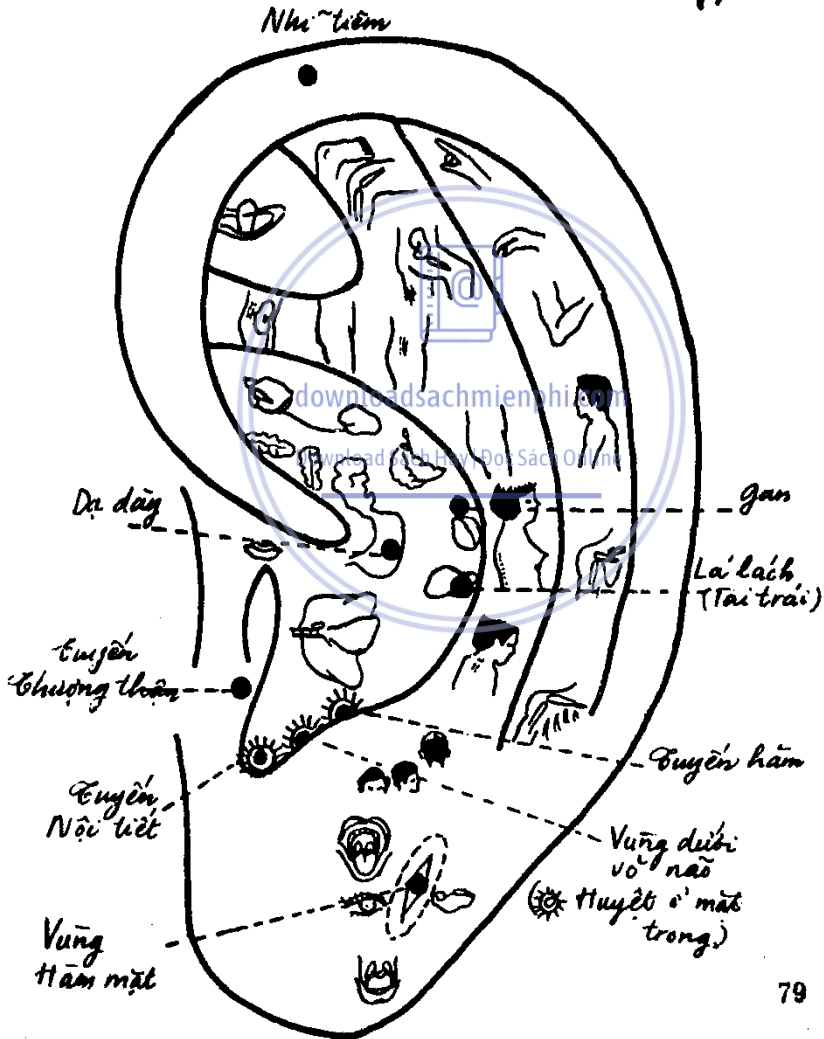
Nhũ tiêm



THÍCH HUYẾT TRỊ MỤC LỆO MẮT



VIÊM TUYẾN HÀM (SÙNG QUẠI BỊ)



Mục lục

	<i>Trang</i>
Vài hàng giới thiệu	3
Thay lời tựa	7
TẬP I	
YẾU QUYẾT THỰC HÀNH NHĨ CHÂM	
I. Phương pháp tìm huyết và châm thuật của nhĩ châm	13
II. Chẩn bệnh trên loa tai	17
III. Lý thuyết cơ bản của nhĩ châm	20
IV. Những vùng giải phẫu trên loa tai tương ứng với cơ thể	22
V. Công năng của các huyết thường dùng	23
VI. Cách thao tác	26
VII. Những điều cần chú ý	27
VIII. Quy luật dùng huyết	27
IX. Nhĩ châm trị liệu các bệnh	29
	81

TẬP II

NHỊ HUYỆT TÂN LIỆU PHÁP

I. Lời nói đầu	47
II. Nhị huyết tân liệu pháp	49
III. Cách bào chế của hạt thuốc và tác dụng trị liệu	51
IV. Phụ chú	51
V. Tài liệu tham khảo	53



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHỊ CHÂM

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN HUỲNH

Biên tập : HUỲNH VĂN TÂM

Trình bày bìa : ANH KHƯƠNG

Sửa bản in : MAI — TUẤN

Download Sách Hay | Đọc Sách Online